

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

LÊ BÌNH PHƯƠNG

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ PHÁP LÝ GIỮA
TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ VÀ DOANH NGHIỆP
TỪ THỰC TIỄN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2017

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

LÊ BÌNH PHƯƠNG

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ PHÁP LÝ GIỮA
TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ VÀ DOANH NGHIỆP
TỪ THỰC TIỄN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Chuyên ngành: Luật kinh tế

Mã số: 60.38.01.07

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
TS. TRẦN MINH ĐỨC

HÀ NỘI - 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi: Lê Bình Phương

Học viên Cao học - Khóa VI.1 (2015 – 2017)

Chuyên ngành: Luật kinh tế

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, dữ liệu và một số kiến thức của các tác giả khác trong luận văn này được sử dụng trung thực, có đầy đủ nguồn dữ liệu đáng tin cậy theo quy định của một công trình khoa học. Kết quả nghiên cứu trong luận văn là trung thực và chưa từng được công bố tại bất kỳ công trình khoa học nào.

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ PHÁP LÝ GIỮA TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ VÀ DOANH NGHIỆP	6
1.1. Khái niệm và đặc điểm của tổ chức hành nghề luật sư	6
1.2. Khái niệm và đặc điểm của doanh nghiệp.....	12
1.3. Mối quan hệ giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp.....	14
1.4. Khái niệm và đặc điểm của hợp đồng dịch vụ pháp lý giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp.....	16
1.5. Khái niệm về dịch vụ pháp lý	19
1.6. Các yếu tố cấu thành hợp đồng dịch vụ pháp lý giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp.....	22
Chương 2: THỰC TRẠNG QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VÀ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ PHÁP LÝ GIỮA TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ VÀ DOANH NGHIỆP	27
2.1. Thực trạng quy định pháp luật về hợp đồng dịch vụ pháp lý giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp	27
2.2. Thực trạng thực hiện pháp luật về hợp đồng dịch vụ pháp lý giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp tại thành phố Hồ Chí Minh.....	41
2.2.1. Những đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội của thành phố Hồ Chí Minh có liên quan đến hợp đồng dịch vụ pháp lý giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp.....	41
2.2.2. Tình hình thực hiện pháp luật về hợp đồng dịch vụ pháp lý giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp tại thành phố Hồ Chí Minh.....	43
2.2.3. Những ưu điểm và hạn chế, bất cập về hợp đồng dịch vụ pháp lý giữa	

tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp tại thành phố Hồ Chí Minh.....	48
Chương 3: NHU CẦU, PHƯƠNG HƯỚNG VÀ CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ PHÁP LÝ GIỮA TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ VÀ DOANH NGHIỆP TỪ THỰC TIỄN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.....	56
3.1. Nhu cầu hoàn thiện pháp luật về hợp đồng dịch vụ pháp lý giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh.....	56
3.2. Phương hướng hoàn thiện pháp luật về hợp đồng dịch vụ pháp lý giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh.....	58
3.3. Các giải pháp hoàn thiện quy định pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng hợp đồng dịch vụ pháp lý giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh.....	61
3.3.1. Các giải pháp hoàn thiện quy định pháp luật về hợp đồng dịch vụ pháp lý giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh.....	61
3.3.2. Các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng quy định pháp luật về hợp đồng dịch vụ pháp lý giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh.....	65
KẾT LUẬN.....	69
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	71

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trước áp lực hội nhập của nền kinh tế quốc tế, Việt Nam đã và đang ký kết nhiều hiệp định thương mại tự do (FTA). Với sự hình thành khu vực thương mại tự do giữa các nước, hiện nay các nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục đầu tư vào Việt Nam.

Thực hiện theo Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ đổi mới, Hiến pháp năm 2013 đã có nhiều quy định tiến bộ nhằm đảm bảo quyền lợi cho doanh nghiệp. Theo tinh thần Hiến pháp năm 2013, năm 2014 Quốc hội đã thông qua Luật doanh nghiệp và Luật đầu tư theo hướng tạo mọi điều kiện tốt nhất cho doanh nghiệp hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật.

Cùng với cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, Chính phủ đã ban hành hỏa tốc Nghị quyết số 19-2016/NQ-CP ngày 28/4/2016 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2016 - 2017, định hướng đến năm 2020. Đồng thời, xác định doanh nghiệp là trung tâm, nên ngày 16/5/2016 Chính phủ ra Nghị quyết số 35/NQ-CP về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020, coi doanh nghiệp là trung tâm phát triển của Nghị quyết 35, cần tạo sức mạnh hỗ trợ hoạt động khởi nghiệp, sáng tạo.

Tuy nhiên, với những thông tin và chính sách trên đây mới chỉ là bước đầu trong chặng đường dài hội nhập kinh tế quốc tế đối với các doanh nghiệp Việt Nam nói chung và tại thành phố Hồ Chí Minh nói riêng. Thực tiễn, các doanh nghiệp vẫn còn những rào cản pháp lý trong quá trình khởi nghiệp và hoạt động, nên cần phải được hỗ trợ một cách thiết thực từ các cơ quan, tổ chức, trong đó có tổ chức hành nghề luật sư.

Nhu cầu sử dụng dịch vụ pháp lý (DVPL) của các doanh nghiệp chỉ thật sự khởi đầu vào những năm cuối thế kỷ 20. Hiện nay, hoạt động cung cấp DVPL cho doanh nghiệp đã được luật hóa tại Điều 22 Luật luật sư năm 2006 sửa đổi, bổ sung năm 2012 trên tất cả các lĩnh vực hoạt động sản xuất, kinh doanh. Đặc biệt, trong cơ chế thị trường và quá trình hội nhập, hoạt động cung cấp DVPL của tổ chức hành

nghe luật sư là một trong những điều kiện tiên quyết bảo đảm sự phát triển bền vững của doanh nghiệp và hoạt động theo đúng quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, hoạt động cung cấp DVPL của tổ chức hành nghề luật sư đối với doanh nghiệp hiện nay vẫn còn nhiều hạn chế; thực trạng quy định pháp luật và thực hiện pháp luật về hợp đồng dịch vụ pháp lý (HDDVPL) giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp còn nhiều bất cập.

Bên cạnh đó, có nhiều văn bản quy phạm pháp luật quy định về hợp đồng dịch vụ (HDDV) nhưng không có một văn bản quy phạm pháp luật nào quy định cụ thể về HDDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp.

Thành phố Hồ Chí Minh là một trong những trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội lớn nhất của cả nước. Nơi đây, tập trung nhiều doanh nghiệp với nhiều loại hình kinh doanh khác nhau. Tuy nhiên, nhu cầu sử dụng DVPL thường tập trung vào các doanh nghiệp đa quốc gia, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các doanh nghiệp trong nước có vốn đầu tư nhiều. Phần lớn các doanh nghiệp nhỏ và vừa chưa quan tâm nhiều đến sử dụng DVPL nhằm hỗ trợ trong hoạt động sản xuất và kinh doanh.

Từ những vấn đề trên, đòi hỏi xã hội có một cái nhìn nhận đúng đắn về vị trí, vai trò của tổ chức hành nghề luật sư đối với doanh nghiệp, mối quan hệ giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp, hoạt động cung cấp DVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp. Chính vì lẽ đó, tác giả đã mạnh dạn chọn đề tài: ***“Hợp đồng dịch vụ pháp lý giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh”*** để làm đề tài nghiên cứu khoa học cho luận văn của mình. Đây là đề tài có tính thời sự và thực tiễn cao, khi hoàn thiện đề tài này sẽ là một đóng góp không nhỏ trong việc hoàn thiện pháp luật về HDDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp tại thành phố Hồ Chí Minh nói riêng và ở Việt Nam nói chung.

2. Tình hình nghiên cứu của đề tài

Trong thời gian qua, những vấn đề lý luận chung và những vấn đề lý luận riêng về HDDVPL hay tổ chức hành nghề luật sư đã được trình bày trong một số

công trình nghiên cứu tiêu biểu sau: Đề tài cấp Bộ năm 2005 về: “Dịch vụ pháp lý ở Việt Nam, thực trạng, nhu cầu và định hướng phát triển” do TS. Nguyễn Văn Tuấn, Tổng biên tập Tạp chí dân chủ và pháp luật, Bộ Tư pháp làm chủ nhiệm đề tài. Đề tài cấp Bộ năm 2005 về: “Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc hoàn thiện pháp luật về tổ chức và hành nghề luật sư trong điều kiện mới ở Việt Nam” do TS. Nguyễn Văn Thảo, Vụ trưởng Vụ Bổ trợ tư pháp, Bộ Tư pháp làm chủ nhiệm đề tài. Luận án tiến sĩ năm 2003 của LS. Phan Trung Hoài về: “Hoàn thiện pháp luật về tổ chức và hành nghề luật sư trong điều kiện mới ở Việt Nam”. Luận án tiến sĩ luật học năm 2014 của Hoàng Thị Vịnh về: “Hợp đồng dịch vụ pháp lý ở Việt Nam”. Luận văn thạc sĩ luật học năm 1996 của Đoàn Văn Duy về: “Tổ chức luật sư ở Việt Nam”. Luận văn thạc sĩ luật học năm 2001 của Dương Đình Khuyến về: “Vấn đề xã hội hóa hoạt động luật sư và tư vấn pháp luật”. Luận văn thạc sĩ luật học năm 2012 của Trần Văn Công về: “Pháp luật về tổ chức và hoạt động của các tổ chức hành nghề luật sư qua thực tiễn tại thành phố Hồ Chí Minh”.

Song, các nội dung nghiên cứu trên chỉ đặt ra những vấn đề về HDDVPL hay tổ chức hành nghề luật sư, mà không có một công trình nào đưa ra một cái nhìn xuyên suốt và chuyên sâu về HDDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp ở Việt Nam nói chung và tại thành phố Hồ Chí Minh nói riêng. Do vậy, đề tài này không trùng lặp với các công trình đã công bố và có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

- Mục đích nghiên cứu của luận văn là để hoàn thiện quy định pháp luật về HDDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện loại hợp đồng này.

Chính vì vậy, các chương trong luận văn này là làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và nêu lên thực trạng về HDDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh; thể hiện vị trí, vai trò của tổ chức hành nghề luật sư đối với doanh nghiệp trong việc ký kết HDDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp.

- Nhiệm vụ nghiên cứu: Từ mục đích nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu của luận văn là đưa ra những phương hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật về HDDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Luận văn tập trung nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực trạng ký kết HDDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh.

Phạm vi nghiên cứu của luận văn là những vấn đề pháp lý liên quan đến HDDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh. Giới hạn nội dung nghiên cứu HDDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn từ năm 2006 cho đến nay.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Luận văn được thực hiện trên cơ sở lý luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử; theo quan điểm cải cách tư pháp và hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng và Nhà nước; triển khai thực hiện nhiệm vụ, giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

Luận văn được sử dụng và kết hợp nhiều phương pháp nghiên cứu khác nhau như: Tổng hợp, phân tích, lịch sử, kế thừa, so sánh, thống kê. Cụ thể:

- Phương pháp tổng hợp, phân tích: Các phương pháp này được sử dụng xuyên suốt trong luận văn nhằm hệ thống hóa cơ sở lý luận, khái quát hóa, đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật về ký kết HDDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh.

- Phương pháp lịch sử, kế thừa: Các phương pháp được sử dụng nhằm đánh giá quá trình phát triển, thực trạng ký kết HDDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh.

- Phương pháp so sánh, thống kê: Các phương pháp này được sử dụng nhằm xác định quan điểm, giải pháp hoàn thiện ký kết HDDVPL giữa tổ chức hành nghề

luật sư và doanh nghiệp từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh, đặt trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Ý nghĩa của luận văn là làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và nêu lên thực trạng ký kết HĐDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh. Từ cơ sở đó, luận văn đề xuất những phương hướng và các giải pháp hoàn thiện pháp luật về ký kết HĐDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh.

Đồng thời, luận văn này được xem là nguồn tài liệu tham khảo bổ ích cho các tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp trong quá trình cung cấp và sử dụng DVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, cơ cấu của luận văn gồm:

Chương 1. Những vấn đề lý luận về hợp đồng dịch vụ pháp lý giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp.

Chương 2. Thực trạng quy định pháp luật và thực hiện pháp luật về hợp đồng dịch vụ pháp lý giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp.

Chương 3. Nhu cầu, phương hướng và các giải pháp hoàn thiện pháp luật về hợp đồng dịch vụ pháp lý giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ PHÁP LÝ GIỮA TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ VÀ DOANH NGHIỆP

1.1. Khái niệm và đặc điểm của tổ chức hành nghề luật sư

1.1.1. Khái niệm về tổ chức hành nghề luật sư

Hiện nay, tổ chức hành nghề luật sư trên thế giới rất đa dạng và phong phú, hình thức tổ chức hành nghề luật sư phổ biến là: Văn phòng luật sư cá nhân/hành nghề độc lập (sole practitioner/principal), Công ty hợp danh (partnership).

Ngoài 2 hình thức phổ biến này thì ở nhiều nước cho phép luật sư thành lập công ty luật trách nhiệm hữu hạn (Mỹ, Pháp, Canada, Bỉ, Singapore, Thái Lan, Đức). Bên cạnh đó, một số nước như Hy Lạp, Argentina, Italia, Mexico, Đài Loan, Brazil, Thụy Sĩ, Nhật Bản, hình thức công ty luật trách nhiệm hữu hạn không được chấp nhận vì không phù hợp với chế độ trách nhiệm vô hạn đối với luật sư trong hoạt động nghề nghiệp. Đối với nghề luật sư ở Anh, Mỹ thì hình thức công ty luật hợp danh lại rất phổ biến.

Một số nước còn quy định hình thức luật sư hành nghề độc lập mà không cần thành lập tổ chức hành nghề (Mỹ, Anh, Singapore, Canada) hoặc cho phép hai hay nhiều luật sư biện hộ có chung văn phòng, chia sẻ một số chi phí văn phòng nhưng không tham gia hợp danh với nhau (Italia, Đài Loan, Anh, Pháp, Thụy Sĩ, Nhật).

Ngoài ra, ở một số nước (Argentina, Mỹ, Anh, Singapore), luật sư có thể làm thuê cho khách hàng là cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức khác (lay client) với tư cách luật sư riêng (in-house lawyer) hoặc làm thuê cho Chính phủ thông qua hợp đồng với tư cách là người làm thuê. Một đặc điểm khác biệt là người chủ thuê luật sư đồng thời cũng là khách hàng duy nhất của luật sư đó. Hay nói một cách khác, luật sư làm thuê không được có khách hàng riêng ngoài người chủ đã thuê luật sư đó. Trên thế giới có không ít luật sư làm công ăn lương. Họ làm việc cho các doanh nghiệp hoặc cho các cơ quan của Chính phủ. Nét cơ bản của luật sư làm công ăn lương so với những người làm công ăn lương khác là họ chịu sự quản lý về thời gian của người chủ thuê họ, còn về mặt nghiệp vụ họ hành nghề độc lập.

Ở một số nước như Italia, Thái Lan, Đài Loan thì trong Chính phủ và các tổ chức doanh nghiệp tồn tại một đội ngũ tư vấn pháp luật. Những người này không đòi hỏi phải có đủ điều kiện, tiêu chuẩn như luật sư [4, tr.6].

Ở Việt Nam, nghề luật sư có từ thời Pháp thuộc, các luật sư người Pháp chiếm thế độc quyền. Sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 46 ngày 10/10/1945 quy định về các tổ chức, các đoàn thể luật sư trong nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, quy định về chế độ bào chữa, điều kiện công nhận luật sư [14]. Nhưng do nền kinh tế nước nhà gặp nhiều khó khăn, đất nước trải qua trường kỳ kháng chiến nên nghề luật sư cũng chưa được phát triển

Tổ chức hành nghề luật sư được hoạt động theo nguyên tắc quản lý và hành nghề luật sư do nhà nước quy định. Tổ chức hành nghề luật sư được hiểu là một loại hình tổ chức nghề nghiệp có sự kết hợp giữa nhà nước cho phép thành lập, thống nhất quản lý và chế độ tự quản của tổ chức nghề nghiệp của tổ chức hành nghề luật sư.

Luật sư muốn thành lập hoặc tham gia thành lập tổ chức hành nghề luật sư phải là người có đủ tiêu chuẩn, điều kiện do nhà nước quy định. Chế độ tự quản của tổ chức hành nghề luật sư bằng hoạt động luật sư đại diện và nhân danh tổ chức theo điều lệ tổ chức hành nghề luật sư của mình quy định và điều lệ này phải phù hợp với luật luật sư hiện hành, Điều lệ Liên đoàn luật sư Việt Nam và Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam.

Khoản 1 Điều 32 Luật luật sư năm 2006 sửa đổi, bổ sung năm 2012 quy định về hình thức tổ chức hành nghề luật sư như sau: “*Tổ chức hành nghề luật sư bao gồm: a) Văn phòng luật sư; b) Công ty luật*”.

Theo những quy định trên thì cho đến nay chưa có một văn bản quy phạm pháp luật chính thức nào khái niệm về tổ chức hành nghề luật sư. Do vậy, tác giả xin nêu khái niệm về tổ chức hành nghề luật sư như sau: “*Tổ chức hành nghề luật sư là một loại hình tổ chức nghề nghiệp của luật sư được đăng ký thành lập theo quy định của nhà nước nhằm hỗ trợ cho nhà nước trong lĩnh vực tư pháp. Một luật sư thành lập hoặc tham gia thành lập chỉ trong một tổ chức hành nghề luật sư, phải*

đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và các điều kiện do nhà nước quy định. Hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư theo nguyên tắc kết hợp giữa sự quản lý của nhà nước và của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư”.

1.1.2. Đặc điểm của tổ chức hành nghề luật sư

Nghề luật sư thường rất được quan tâm và chú trọng đến vai trò của cá nhân, uy tín nghề nghiệp của luật sư. Đặc điểm của tổ chức hành nghề luật sư xuất phát từ bản chất, vị trí, vai trò của luật sư trong xã hội. Do vậy, tổ chức hành nghề luật sư có các đặc điểm sau đây:

- *Thứ nhất, tổ chức hành nghề luật sư là một nghề luật có tính chất tự do và độc lập*

Trước hết, tổ chức hành nghề luật sư là một tổ chức hành nghề luật nhằm để phân biệt với các tổ chức hành nghề khác trong xã hội. Như vậy, nói đến tổ chức hành nghề luật sư là nói đến công việc chuyên môn của những người hoạt động liên quan đến pháp luật. Tổ chức hành nghề luật sư có những điểm khác biệt với những tổ chức hành nghề liên quan đến pháp luật khác không chỉ ở chức năng, theo sự phân công của xã hội, mà còn ở chỗ nó được thể hiện qua các phương thức hành nghề một cách tự do, độc lập. Tổ chức hành nghề luật sư không phải là một cơ quan của nhà nước. Luật sư hành nghề trong tổ chức hành nghề luật sư không phải là một công chức nhà nước, không phải là một chức vụ được đề cử hoặc đề bạt, mà là một danh xưng được nhà nước quy định. Người hành nghề luật sư là những người hội đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật mới được phép hành nghề luật sư.

Đặc điểm tiêu biểu của hoạt động hành nghề luật sư là: Độc lập, tự quản, tự chịu trách nhiệm, phân tán và tự kiếm sống [17, tr.5]. Yếu tố hành nghề luật sư có tính tự do, độc lập ở đây không phải là tự do, độc lập ngoài khuôn khổ pháp luật mà tự do theo thời gian hoạt động của mình, tự do thỏa thuận công việc với khách hàng,... Trong hoạt động hành nghề, luật sư độc lập trong công việc, đồng thời tự chịu trách nhiệm với hoạt động nghề nghiệp cá nhân của mình.

- *Thứ hai, tổ chức hành nghề luật sư mang tính chất dịch vụ và được nhận thù lao, chi phí từ khách hàng*

Tính chất dịch vụ của tổ chức hành nghề luật sư không được thừa nhận một cách rộng rãi trong xã hội. Có một số quan niệm không nên đề cập đến tính chất dịch vụ như những loại hình dịch vụ khác vì nghề luật sư được xem là một nghề cao quý trong xã hội. Tuy nhiên, quan niệm này chưa hoàn toàn đúng, bởi tổ chức hành nghề luật sư cũng như bao tổ chức hành nghề khác, có khác chẳng là người muốn hành nghề luật sư phải đáp ứng được tiêu chuẩn, điều kiện do pháp luật quy định, hoạt động trong khuôn khổ quy định của nhà nước.

Vì vậy, khi coi tổ chức hành nghề luật sư mang tính chất dịch vụ, có nghĩa là nói đến khía cạnh DVPL hiểu theo nghĩa ở trên. Vì là ngành, nghề có tính chất dịch vụ nên Luật luật sư năm 2006 sửa đổi, bổ sung năm 2012 quy định rõ: “*Khách hàng phải trả thù lao khi sử dụng dịch vụ pháp lý của luật sư*”, đồng thời quy định rõ căn cứ và phương pháp tính thù lao cho tổ chức hành nghề luật sư.

- *Thứ ba, tổ chức hành nghề luật sư luôn gắn liền với số phận con người*

Từ bao đời nay tổ chức hành nghề luật sư cũng giống bao tổ chức hành nghề khác trong xã hội, được coi là một nghề luôn gắn bó với số phận của con người.

Có nhiều ý kiến cho rằng, tổ chức hành nghề luật sư vừa có nhiệm vụ bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp cho bị can, bị cáo đồng thời vừa có nhiệm vụ bảo vệ pháp chế XHCN, tôn trọng sự thật và pháp luật là mâu thuẫn nhau. Tuy nhiên, hai nhiệm vụ này không mâu thuẫn, trái lại gắn bó hữu cơ và mật thiết với nhau. Nhà nước luôn coi trọng quyền của con người. Quyền này được quy định tại Điều 70 Hiến pháp năm 2013: “*Công dân có quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, tài sản, danh dự và nhân phẩm*”. Quyền này được nêu thành nguyên tắc cơ bản trong bộ luật tố tụng hình sự và được xếp lên hàng đầu. Sự gắn bó nghề nghiệp của tổ chức hành nghề luật sư với số phận của con người, bất luận trong trường hợp nào, cũng được coi là sự kết nối tự nhiên, mang tính bản chất. Vì thế không đơn thuần mang tính dịch vụ và chỉ nghĩ đến việc kiếm lời từ dịch vụ đó, mà trước hết chính là nhằm đáp ứng nhu cầu chính đáng của người dân cần được sự trợ giúp về mặt pháp lý.

- *Thứ tư, tổ chức hành nghề luật sư gắn liền với pháp luật và Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam*

Cũng như bất cứ hoạt động nghề nghiệp nào khác, nền tảng hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư phải dựa trên pháp luật và quy tắc trách nhiệm nghề nghiệp. Quy tắc trách nhiệm nghề nghiệp của tổ chức hành nghề luật sư cụ thể là Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam. Pháp luật về luật sư là hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật xác định vị trí, vai trò của tổ chức hành nghề luật sư trong xã hội, quy định các quyền và nghĩa vụ của tổ chức hành nghề luật sư, phạm vi quản lý nhà nước đối với hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư và tính tự quản trong tổ chức hành nghề luật sư; xử lý vi phạm trong hoạt động nghề nghiệp,...

Trong nhiều trường hợp, đối với nghề nghiệp luật sư, các quy tắc ứng xử thuộc về phạm trù đạo đức lại chi phối và có tác động lớn lao đến uy tín, danh dự của tổ chức hành nghề luật sư và ảnh hưởng chi phối rất nhiều đến chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng. Sự cộng hưởng qua lại giữa pháp luật và quy tắc trách nhiệm nghề nghiệp trong hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư là một trong những minh chứng cho mối quan hệ giữa pháp luật và đạo đức nói chung.

Trong trường hợp, vấn đề cốt lõi là làm sao cho khách hàng nhận ra được nhu cầu về DVPL một cách trung thực và lựa chọn được hình thức dịch vụ thích hợp nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

- *Thứ năm, tổ chức hành nghề luật sư là một nghề không kiêm nhiệm*

Thông lệ hành nghề luật sư trên thế giới là không kiêm nhiệm. Tuy nhiên, ở Việt Nam do đặc điểm lịch sử của đất nước và quá trình hình thành nghề luật sư, nên trong một thời gian khá dài sau giải phóng, pháp luật về luật sư vẫn cho phép duy trì chế độ luật sư kiêm nhiệm, kiêm chức. Sự hạn chế về tính không chuyên nghiệp trong hoạt động luật sư về phương diện này làm cho người cần hỗ trợ về pháp lý, bị can, bị cáo cảm thấy không tin tưởng vào sự tận tâm của luật sư. Vì thế, các cơ quan tiến hành tố tụng đánh giá không tốt về hoạt động nghề nghiệp luật sư, giảm thiểu vai trò của luật sư trong đời sống xã hội.

Không kiêm nhiệm là một trong những đặc điểm trong hoạt động của nghề luật sư, không chỉ bảo đảm hoạt động này mang tính chuyên nghiệp, mà còn góp phần nâng cao vị trí, vai trò của tổ chức hành nghề luật sư trong xã hội. Mặt khác, về phương diện pháp lý, Luật cán bộ, công chức năm 2008 còn quy định cán bộ, công chức không được làm những việc liên quan đến sản xuất, kinh doanh, công tác nhân sự quy định tại Luật phòng, chống tham nhũng, luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và những việc khác theo quy định của pháp luật và của cơ quan có thẩm quyền,...Có quy định này, xuất phát từ quan điểm của những nhà làm luật, để tiến tới chuyên nghiệp hóa tổ chức hành nghề luật sư, cần thực hiện nguyên tắc không kiêm nhiệm để luật sư có thể chuyên tâm với nghề nghiệp, đáp ứng nhu cầu giúp đỡ pháp lý ngày càng phong phú và phức tạp của khách hàng nói chung, doanh nghiệp nói riêng.

- Thứ sáu, hoạt động tổ chức hành nghề luật sư mang tính quốc tế

Tính chất quốc tế về hoạt động nghề nghiệp của tổ chức hành nghề luật sư hình thành cùng với sự phát triển của nghề luật sư trong lịch sử. Ngày nay, cùng với sự phát triển kinh tế và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, tổ chức hành nghề luật sư các nước trên thế giới đã mở rộng phạm vi và lĩnh vực hoạt động ra khỏi biên giới quốc gia, đóng một vai trò ngày càng quan trọng trong việc thúc đẩy các quan hệ kinh tế, chính trị, xã hội giữa các nước.

Người ta đã quen với hình ảnh bên cạnh các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đến kinh doanh tại Việt Nam luôn sử dụng DVPL của một tổ chức hành nghề luật sư để giúp tư vấn và soạn thảo hợp đồng, tham gia giải quyết tranh chấp,... Các hiệp ước song phương và đa phương ký kết giữa các nước luôn có sự tham gia soạn thảo của các tổ chức hành nghề luật sư giàu kinh nghiệm.

Hiện nay, Luật luật sư năm 2006 sửa đổi, bổ sung năm 2012 đã cho phép các tổ chức hành nghề luật sư trong nước được thuê luật sư nước ngoài, hợp tác với tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài theo quy định của pháp luật về hành nghề của luật sư nước ngoài tại Việt Nam; đặt cơ sở hành nghề ở nước ngoài theo quy định của Chính phủ, cũng như cử luật sư trong tổ chức hành nghề luật sư của mình thực

hiện DVPL ở nước ngoài. Các quy định này đã mở ra khả năng to lớn cho việc nâng cao sức cạnh tranh của đội ngũ luật sư Việt Nam trên thương trường quốc tế.

1.2. Khái niệm và đặc điểm của doanh nghiệp

1.2.1. Khái niệm về doanh nghiệp

Khi nói đến doanh nghiệp, trước tiên nó được hiểu là một khái niệm nhằm chỉ các chủ thể trong quan hệ pháp luật về hoạt động kinh doanh - thương mại. Ở góc độ kinh tế - xã hội, bản chất hoạt động chủ yếu của doanh nghiệp là kinh doanh nhằm mục đích sinh lợi nhuận. Các yếu tố để cấu thành nên doanh nghiệp như: Trụ sở, cơ sở vật chất, cơ cấu tổ chức trong công ty, quan hệ người sử dụng lao động và người lao động, tác động của doanh nghiệp đối với môi trường xã hội và môi trường xã hội ảnh hưởng đến sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp.

Ở góc độ pháp lý, trong những lĩnh vực khác có những khái niệm khác nhau về doanh nghiệp. Giới hạn trong luận văn này, tác giả chỉ đề cập đến doanh nghiệp theo luật doanh nghiệp.

Khái niệm về doanh nghiệp đã được quy định từ Luật doanh nghiệp tư nhân năm 1990, Luật công ty năm 1990, Luật doanh nghiệp năm 1999, Luật doanh nghiệp năm 2005 và hiện nay đã được thay thế bằng Luật doanh nghiệp năm 2014.

Theo khoản 7, Điều 4 Luật doanh nghiệp năm 2014 quy định: *“Doanh nghiệp là tổ chức có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch, được đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật nhằm mục đích kinh doanh”*.

Hiện nay, ở Việt nam có nhiều loại hình doanh nghiệp khác nhau, mỗi loại hình doanh nghiệp có những ưu và nhược điểm khác nhau, có những đặc trưng riêng. Theo Luật doanh nghiệp năm 2014 thì có các loại hình tổ chức kinh doanh sau đây: Công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh và doanh nghiệp tư nhân thuộc mọi thành phần kinh tế (sau đây gọi chung là doanh nghiệp); nhóm công ty.

Theo đó, doanh nghiệp được hiểu là một tổ chức kinh tế phải đáp ứng các điều kiện sau: Phải là tổ chức có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch; là tổ chức kinh tế được thành lập theo luật doanh nghiệp có tên doanh nghiệp do chủ doanh

ng nghiệp lựa chọn và đặt phù hợp với quy định của pháp luật; có tài sản để duy trì hoạt động và thực hiện việc kinh doanh thu lợi nhuận; có trụ sở chính để đảm bảo hoạt động của tổ chức công ty, địa điểm thực hiện giao dịch giữa công ty với khách hàng; doanh nghiệp phải được đăng ký theo quy định của pháp luật; việc thành lập doanh nghiệp là nhằm mục đích kinh doanh, thu lợi nhuận.

1.2.2. Đặc điểm của doanh nghiệp

Từ khái niệm về doanh nghiệp như đã nêu trên, chúng ta có thể rút ra một số đặc điểm về doanh nghiệp như sau:

- *Thứ nhất, doanh nghiệp là một tổ chức*

Trong đời sống xã hội tồn tại nhiều loại hình tổ chức khác nhau, các tổ chức này được hình thành trên cơ sở có sự liên kết của các thành viên trong tổ chức. Sự liên kết đó thông thường được biểu hiện dưới những hình thức nhất định như: Điều lệ, nội quy, quy chế, thỏa ước... Tổ chức được hình thành bao giờ cũng vì mục tiêu nhất định. Đối với tổ chức kinh tế, đây là một dạng tổ chức được hình thành trong đời sống xã hội với mục tiêu chính là tiến hành các hoạt động kinh doanh sinh lợi nhuận. Có thể nói, đặc điểm này của doanh nghiệp cho phép ta phân biệt giữa doanh nghiệp với các cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp khác,...

- *Thứ hai, doanh nghiệp có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch ổn định*

Doanh nghiệp với tư cách là một tổ chức kinh tế tham gia hoạt động trên thương trường, doanh nghiệp sẽ phải tham gia vào các mối quan hệ pháp luật một cách độc lập, bao gồm: Tên gọi riêng, có tài sản riêng, có tài sản ổn định riêng của doanh nghiệp. Do vậy, để có thể tham gia trên thương trường doanh nghiệp phải hội tụ nhiều điều kiện, còn những điều kiện trên chỉ là những điều kiện, những dấu hiệu cơ bản nhất mà pháp luật bắt buộc phải có.

- *Thứ ba, doanh nghiệp được đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật*

Đây là dấu hiệu quan trọng thể hiện sự tham gia của doanh nghiệp trên thương trường là hợp pháp và được nhà nước bảo hộ. Mặc dù Luật doanh nghiệp năm 2014 quy định thông thoáng theo hướng đảm bảo quyền tự do kinh doanh cho

doanh nghiệp. Tuy nhiên, không phải bất kỳ hoạt động kinh doanh nào của doanh nghiệp đã được đăng ký doanh nghiệp đều được coi là hợp pháp. Bởi hoạt động của doanh nghiệp chỉ được coi là hợp pháp khi doanh nghiệp thực hiện đầy đủ các thủ tục khi kinh doanh những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện hoặc không được hoạt động những ngành, nghề do pháp luật cấm. Thêm vào đó, muốn được coi là hoạt động hợp pháp thì hoạt động đó phải được thực hiện bởi người có thẩm quyền đại diện cho doanh nghiệp, hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật.

- *Thứ tư, doanh nghiệp được thành lập với mục đích kinh doanh*

Đặc điểm này thể hiện rõ mục đích của việc thành lập doanh nghiệp. Với bản chất của một tổ chức kinh tế, doanh nghiệp tiến hành các hoạt động kinh doanh nhằm mục đích sinh lợi nhuận. Đây là một trong những đặc điểm cơ bản của doanh nghiệp, nếu thiếu đặc điểm này thì không tạo nên doanh nghiệp đúng nghĩa.

1.3. Mỗi quan hệ giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp

Ở các nước phát triển trên thế giới, giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Nhu cầu sử dụng DVPL của tổ chức hành nghề luật sư không thể thiếu đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và điều này trở nên hiển nhiên thành thông lệ quốc tế. HĐDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp có nhiều dạng khác nhau. Ở góc độ sử dụng dịch vụ bên ngoài nhằm giải quyết công việc cụ thể bên trong doanh nghiệp thì có thể gọi là HĐDVPL giải quyết theo từng vụ việc. Ở góc độ tư vấn pháp luật nội bộ, thường xuyên hay dài hạn thì loại hình này có nhiều cách gọi khác nhau, như: “Luật sư nội bộ”, “Luật sư riêng”, “Luật sư tư vấn pháp lý thường xuyên”, “Luật sư doanh nghiệp”, hay “Luật sư tư vấn pháp luật dài hạn”.

Ở Việt Nam, đây là một loại hình DVPL được du nhập từ nước ngoài khi Việt Nam bắt đầu mở cửa, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tham gia đầu tư tại Việt Nam. Lợi ích của loại hình DVPL này có nhiều điểm ưu việt nhằm giúp doanh nghiệp giảm được chi phí nhân sự và đạt được kết quả cao trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Các doanh nghiệp lớn thường có bộ phận pháp chế, đồng thời thường lựa chọn phương án thuê ngoài những tổ chức hành nghề luật sư để đảm bảo công việc được thực hiện một cách nhanh chóng, hiệu quả và thông suốt.

Thông qua HĐDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp, có mối quan hệ mật thiết với nhau nhằm giúp cho các bên thực hiện tốt vị trí và vai trò của mình. Mối quan hệ giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp được thể hiện ở những điểm sau:

1.3.1. Sự tác động của tổ chức hành nghề luật sư đến doanh nghiệp

- *Thứ nhất*, tổ chức hành nghề luật sư tác động đến sự an tâm pháp lý cho doanh nghiệp. Sự tác động của tổ chức hành nghề luật sư đến doanh nghiệp thông qua HĐDVPL, tổ chức hành nghề luật sư sẽ tư vấn, cung cấp thông tin pháp luật, giải thích pháp luật và định hướng hành vi của doanh nghiệp trong những điều kiện, tình huống mà tổ chức hành nghề luật sư có thể dự liệu trước bằng chuyên môn của mình để doanh nghiệp an tâm pháp lý, tập trung giải quyết những công việc sản xuất và kinh doanh.

Khi ký kết HĐDVPL với tổ chức hành nghề luật sư có nội dung tư vấn pháp luật thường xuyên, doanh nghiệp có điều kiện và cơ hội có tổ chức hành nghề luật sư luôn ở bên cạnh nhằm giải quyết trong mọi tình huống pháp lý.

- *Thứ hai*, sự tác động của tổ chức hành nghề luật sư đến doanh nghiệp trong việc tiết kiệm được chi phí thông qua HĐDVPL. Nếu tổ chức hành nghề luật sư thực hiện tốt công việc của mình thì sẽ giúp cho doanh nghiệp tiết kiệm được chi phí, thời gian và đạt hiệu quả cao trong kinh doanh.

1.3.2. Sự tác động trở lại của doanh nghiệp đến tổ chức hành nghề luật sư

- *Thứ nhất*, thông qua giải quyết những tình huống pháp lý cho doanh nghiệp sẽ giúp cho tổ chức hành nghề luật sư nâng cao năng lực hành nghề, tiếp cận những tình huống pháp luật cụ thể, đa dạng tình huống pháp lý, luôn cập nhật các thông tin pháp lý về doanh nghiệp.

Nhằm đáp ứng cho nhu cầu của doanh nghiệp, đòi hỏi tổ chức hành nghề luật sư phải có kinh nghiệm, nắm vững chuyên môn ở nhiều lĩnh vực, đòi hỏi kỹ năng chuyên môn, kỹ năng hỗ trợ khác để giải quyết công việc đạt hiệu quả.

- *Thứ hai*, liên quan đến vấn đề chi phí, thù lao cho tổ chức hành nghề luật sư. Nếu doanh nghiệp gặp khó khăn về tài chính thì ít nhiều cũng ảnh hưởng đến các chi phí của doanh nghiệp trong đó có khoản chi phí, thù lao phải trả cho tổ chức hành nghề luật sư.

Xuất phát từ mối quan hệ trên, doanh nghiệp có thể sử dụng đội ngũ luật sư trong tổ chức hành nghề luật sư để hỗ trợ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình dưới nhiều dạng khác nhau như: Tư vấn theo giờ hay trọn gói hoặc dài hạn. Bởi vì, nếu "nuôi" một luật sư giỏi hoặc một bộ phận pháp chế thường xuyên trong doanh nghiệp thì rất tốn kém. Tuy nhiên, hiện nay không có nhiều doanh nghiệp sử dụng DVPL của tổ chức hành nghề luật sư do nhiều nguyên nhân khác nhau như: Kinh tế, văn hóa, nhận thức,... Thiết nghĩ, nhà nước nên có chính sách thúc đẩy, khuyến khích doanh nghiệp sử dụng DVPL của tổ chức hành nghề luật sư.

1.4. Khái niệm và đặc điểm của hợp đồng dịch vụ pháp lý giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp

1.4.1. Khái niệm về hợp đồng dịch vụ pháp lý giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp

Theo Điều 388 Bộ luật dân sự năm 2005, hợp đồng dân sự được hiểu là sự thỏa thuận giữa các bên về việc xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự. Khi Bộ luật dân sự năm 2015 thay thế Bộ luật dân sự năm 2005 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, thì thuật ngữ “hợp đồng dân sự” không còn sử dụng, thay vào đó là thuật ngữ “hợp đồng”, nhưng nội dung về khái niệm hợp đồng dân sự vẫn không thay đổi (Điều 385 Bộ luật dân sự năm 2015). Xét về bản chất thì HĐDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp xuất phát từ lĩnh vực dân sự và lĩnh vực thương mại. Một bên có nghĩa vụ cung cấp dịch vụ và có quyền được nhận thù lao và chi phí. Một bên có quyền được sử dụng dịch vụ và có nghĩa vụ trả thù lao, chi phí cho bên cung cấp dịch vụ.

Về khái niệm, theo Luật luật sư năm 2006 sửa đổi, bổ sung năm 2012 cũng như các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành thì không có khái niệm về HĐDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp. Xuất phát từ nguyên nhân đó, khái niệm về HĐDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp có thể được hiểu như sau: *“HĐDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp là sự thỏa thuận giữa các bên. Chủ thể bên cung cấp và chủ thể bên sử dụng DVPL phải đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của pháp luật. Theo đó, bên cung cấp DVPL thực hiện công việc và làm thỏa mãn các yêu cầu pháp lý cho bên sử dụng DVPL, còn bên sử dụng DVPL phải trả thù lao và chi phí cho bên cung cấp DVPL”*.

HĐDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp được hiểu, doanh nghiệp không phải sử dụng hết toàn bộ DVPL do tổ chức hành nghề luật sư cung cấp mà có sự giới hạn phạm vi công việc theo yêu cầu của mình.

1.4.2. Đặc điểm của hợp đồng dịch vụ pháp lý giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp

Từ khái niệm trên, HĐDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp có những đặc điểm sau đây:

- *Thứ nhất, chủ thể tham gia hợp đồng dịch vụ pháp lý*

Một là, chủ thể bên cung cấp DVPL trong HĐDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp phải là tổ chức hành nghề luật sư được đăng ký và hoạt động theo luật luật sư. Đây là dấu hiệu đặc trưng không thể nhầm lẫn với chủ thể khác. Không một chủ thể nào được quyền cung cấp DVPL cho doanh nghiệp nếu tổ chức đó không phải là tổ chức hành nghề luật sư.

Chủ thể là tổ chức hành nghề luật sư phải là văn phòng luật sư, công ty luật hợp danh, công ty luật trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên, công ty luật trách nhiệm hữu hạn có một thành viên được đăng ký, hoạt động, đáp ứng những điều kiện theo luật luật sư.

Hai là, chủ thể bên sử dụng DVPL là doanh nghiệp và được hiểu theo đa dạng: công ty cổ phần, công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành

viên trở lên, công ty trách nhiệm hữu hạn có một thành viên, doanh nghiệp tư nhân được đăng ký thành lập doanh nghiệp theo quy định của luật doanh nghiệp.

- *Thứ hai, tên gọi hợp đồng*

Khi tổ chức hành nghề luật sư ký kết HĐDVPL với doanh nghiệp thì tên gọi của hợp đồng phải là HĐDVPL. Theo đó, tùy vào từng trường hợp cụ thể, phạm vi công việc, tính chất công việc do hai bên thỏa thuận thì tên gọi của hợp đồng có thể là HĐDVPL về tham gia tố tụng hoặc HĐDVPL về tư vấn đầu tư,... Mặc dù Luật luật sư năm 2006 sửa đổi, bổ sung năm 2012 không quy định về tên gọi hợp đồng. Nhưng thực tế, các tổ chức hành nghề luật sư luôn sử dụng tên gọi hợp đồng bao gồm cả cụm từ “DVPL” nhằm để phân biệt với các loại hợp đồng khác.

- *Thứ ba, hợp đồng dịch vụ pháp lý phụ thuộc vào bên thứ ba*

Theo khoản 1 Điều 26 Luật luật sư năm 2006 sửa đổi, bổ sung năm 2012 quy định: *“Luật sư thực hiện dịch vụ pháp lý theo hợp đồng dịch vụ pháp lý...”*. Luật luật sư năm 2006 sửa đổi, bổ sung năm 2012 nêu rõ tổ chức hành nghề luật sư khi cung cấp DVPL cho khách hàng phải ký kết và thực hiện theo HĐDVPL. Tuy nhiên, trong những trường hợp có liên quan đến thời gian, kết quả vụ việc không phải do hai bên thỏa thuận và quyết định mà phải phụ thuộc vào bên thứ ba khi phạm vi công việc đó liên quan đến hoạt động tố tụng. Bên thứ ba đó là do các cơ quan tiến hành tố tụng quyết định.

Điều này cho thấy có sự ràng buộc pháp lý đối với tổ chức hành nghề luật sư khi ký HĐDVPL với doanh nghiệp. Do vậy, trong trường hợp này tổ chức hành nghề luật sư không thể cam kết về kết quả, thời gian giải quyết vụ việc mà phải tuân theo sự quyết định của bên thứ ba là các cơ quan tiến hành tố tụng.

- *Thứ tư, hợp đồng dịch vụ pháp lý có tính đối nhân và rủi ro*

Mặc dù, HĐDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp là do sự thỏa thuận giữa các bên, được thể hiện bằng văn bản, khi có tranh chấp lấy đó làm cơ sở để giải quyết. Tuy nhiên, do tính đặc thù của nghề luật sư, sự gắn kết giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp dựa trên sự liên kết chặt chẽ bởi độ tin cậy về nhân thân, danh dự, uy tín của luật sư trong tổ chức hành nghề luật sư.

Mặt khác, khi giao kết, thực hiện và kết thúc HĐDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp luôn luôn có mối quan hệ và có yếu tố gắn liền với các quy định của pháp luật và phần nhiều là phụ thuộc vào bên thứ ba, nên rủi ro về pháp lý luôn có thể xảy ra.

Do vậy, nếu có sự tranh chấp về HĐDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp thì nguyên tắc cơ bản và bước đầu tiên là các bên thỏa thuận, thương lượng, hòa giải với nhau trước khi yêu cầu tòa án giải quyết.

- *Thứ năm, mục đích của hợp đồng dịch vụ pháp lý*

Mục đích của HĐDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp mà các bên luôn hướng đến là nhằm thỏa mãn nhu cầu của các bên. Theo đó, mục đích của tổ chức hành nghề luật sư là hoàn tất việc cung cấp DVPL cho doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật, nhận thù lao và chi phí. Còn mục đích của doanh nghiệp khi ký HĐDVPL với tổ chức hành nghề luật sư hướng đến là sử dụng DVPL nhằm phục vụ cho hoạt động sản xuất và kinh doanh. Doanh nghiệp hoạt động sản xuất, kinh doanh đạt hiệu quả cao và đúng theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, mục đích hướng đến của các bên trong HĐDVPL là phải phù hợp với quy định của pháp luật và không vi phạm các điều cấm do luật quy định.

1.5. Khái niệm về dịch vụ pháp lý

1.5.1. Khái niệm về dịch vụ pháp lý theo quy định của Tổ chức thương mại thế giới (WTO)

Trong lĩnh vực pháp lý, cụm từ “DVPL” đã được xuất hiện từ rất lâu ở các nước trên thế giới. Trong đời sống xã hội, người ta thường sử dụng cụm từ “DVPL” để chỉ những vấn đề liên quan đến pháp luật, nhờ những người có chuyên môn thực hiện những công việc liên quan đến pháp lý. DVPL là khái niệm rộng và chỉ có những người có đủ tiêu chuẩn, điều kiện mới được hành nghề đối với loại hình dịch vụ này.

Theo quy định của WTO, DVPL có phạm vi rất rộng bao gồm các lĩnh vực: *“Tur vấn và đại diện đối với pháp luật nước tiếp nhận dịch vụ, pháp luật của nước*

sở tại, nước thứ ba, luật pháp quốc tế; dịch vụ chứng thực giấy tờ tài liệu; các dịch vụ tư vấn và thông tin khác”.

DVPL có nhiều điểm khác biệt so với các ngành thương mại dịch vụ khác. Về thương mại dịch vụ pháp lý, DVPL là những dịch vụ luôn gắn liền với các quy định của pháp luật của một quốc gia hay của thế giới nhằm đáp ứng nhu cầu về pháp lý của tổ chức, cá nhân. Xuất phát từ đặc điểm về “sản phẩm” của loại hình dịch vụ này luôn gắn bó mật thiết với hệ thống pháp luật của mỗi quốc gia và luật pháp quốc tế. Trong khi đó, mỗi quốc gia có hệ thống pháp luật khác nhau. Do đó, sản phẩm DVPL của mỗi quốc gia cũng rất khác nhau. Như vậy, điểm khác biệt lớn nhất của DVPL so với các ngành thương mại dịch vụ khác chính là sự gắn bó trực tiếp và mật thiết của các dịch vụ được cung cấp đối với một hệ thống pháp luật nhất định.

Cũng theo quy định của WTO, Biểu CLX - Việt Nam, phần II – Biểu cam kết cụ thể về dịch vụ thì DVPL thuộc nhóm các dịch vụ kinh doanh, mã ngành CPC 861, tuy nhiên không bao gồm: *“(i) tham gia tố tụng với tư cách là người bào chữa hay đại diện cho khách hàng của mình trước Tòa án Việt Nam; (ii) dịch vụ giấy tờ pháp lý và công chứng liên quan tới pháp luật Việt Nam)”*.

1.5.2. Khái niệm về dịch vụ pháp lý theo pháp luật Việt Nam

Theo pháp luật Việt Nam hiện hành thì không có một quy định nào khái niệm về DVPL. Cụm từ “DVPL” được quy định rải rác trong các bộ luật, luật và các văn bản dưới luật. Cụ thể: Bộ luật dân sự năm 2015, Luật thương mại năm 2005,... Đây là những văn bản quy phạm pháp luật được xem là cơ sở pháp lý cho hoạt động DVPL tại Việt Nam.

Trong lĩnh vực kinh doanh - thương mại, tại khoản 9 Điều 3 Luật thương mại năm 2005 quy định: *“Cung ứng dịch vụ là hoạt động thương mại, theo đó một bên là bên cung ứng dịch vụ có nghĩa vụ thực hiện dịch vụ cho một bên khác và nhận thanh toán; bên sử dụng dịch vụ là khách hàng có nghĩa vụ thanh toán cho bên cung ứng dịch vụ và sử dụng dịch vụ theo thỏa thuận”*.

Ở Việt Nam, cụm từ “DVPL” ra đời và luôn gắn với liền với hoạt động hành nghề luật sư. DVPL thật sự chỉ được thừa nhận một cách chính thống trong Pháp lệnh luật sư năm 1987, nhưng không có một khái niệm cụ thể về DVPL.

Theo Điều 4 Luật luật sư năm 2006 sửa đổi, bổ sung năm 2012 quy định: *“Dịch vụ pháp lý của luật sư bao gồm tham gia tố tụng, tư vấn pháp luật, đại diện ngoài tố tụng cho khách hàng và các dịch vụ pháp lý khác”*. Như vậy, DVPL của luật sư có phạm vi rất rộng bao trùm lên toàn bộ đời sống pháp lý trong xã hội. Do vậy, DVPL được hiểu là do các tổ chức hành nghề luật sư thực hiện một cách chuyên nghiệp theo những tiêu chuẩn và điều kiện do pháp luật quy định, nhằm giải quyết những vấn đề pháp lý phát sinh trong đời sống cá nhân, tổ chức. Đây chính là những nét đặc thù của DVPL so với các loại hình dịch vụ khác.

Theo Điều 513 Bộ luật dân sự năm 2015 thì hợp đồng dịch vụ được định nghĩa như sau: *“Hợp đồng dịch vụ là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cung ứng dịch vụ thực hiện công việc cho bên thuê dịch vụ, bên thuê dịch vụ phải trả tiền dịch vụ cho bên cung ứng dịch vụ”*.

Còn theo khoản 9 Điều 3 và Điều 74 Luật thương mại năm 2005 như đã nêu, chỉ giải thích về cung ứng dịch vụ và chỉ nêu về hình thức hợp đồng dịch vụ. Theo đó, hình thức hợp đồng dịch vụ được thể hiện bằng lời nói, bằng văn bản hoặc được xác lập bằng hành vi cụ thể. Đối với các loại hợp đồng dịch vụ mà pháp luật quy định phải được lập thành văn bản thì phải tuân theo các quy định đó. Như vậy, Luật thương mại năm 2005 không định nghĩa về hợp đồng cung ứng dịch vụ. Nội dung các quy định về HĐDV trong luật thương mại được xây dựng theo xu hướng cụ thể hóa các nguyên tắc và quy định về hợp đồng dân sự trong bộ luật dân sự.

Tương tự, trong lĩnh vực cung cấp DVPL thì HĐDVPL có bản chất, đặc điểm chung của hợp đồng, đó là sự thỏa thuận nhằm xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt các quyền và nghĩa vụ trong quan hệ cung cấp và sử dụng DVPL.

Luật luật sư năm 2006 sửa đổi, bổ sung năm 2012 không quy định thế nào là HĐDVPL, tại khoản 1 Điều 26 chỉ quy định: *“1. Luật sư thực hiện dịch vụ pháp lý theo hợp đồng dịch vụ pháp lý, trừ trường hợp luật sư tham gia tố tụng theo yêu cầu*

của cơ quan tiến hành tố tụng và luật sư hành nghề với tư cách cá nhân làm việc theo hợp đồng lao động cho cơ quan, tổ chức; ...”. Theo quy định này, Luật luật sư năm 2006 sửa đổi, bổ sung năm 2012 đã sử dụng phương pháp loại trừ để chỉ những trường hợp nào tổ chức hành nghề luật sư được ký HĐDVPL, trường hợp nào thì không được ký HĐDVPL với khách hàng.

Như vậy, đối với hoạt động cung cấp DVPL của tổ chức hành nghề luật sư, pháp luật đã có quy định chính thức về quan hệ giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp là thông qua quan hệ HĐDVPL và phải được thể hiện dưới hình thức bằng văn bản.

Từ các quy định của Bộ luật dân sự năm 2015, Luật thương mại năm 2005 và Luật luật sư năm 2006 sửa đổi, bổ sung năm 2012 về hợp đồng dịch vụ thì HĐDVPL có thể được hiểu như sau: *HĐDVPL là một dạng của hợp đồng thương mại. HĐDVPL mang đầy đủ các dấu hiệu của hợp đồng thương mại, đó là: (i) là sự thỏa thuận giữa hai bên (bên cung cấp DVPL và bên sử dụng DVPL); (ii) nội dung HĐDVPL chứa đựng quyền và nghĩa vụ của hai bên. Đa số HĐDVPL là loại hợp đồng song vụ, quyền của bên này là nghĩa vụ của bên kia và ngược lại. Tuy nhiên, có một số HĐDVPL là loại hợp đồng vì lợi ích của người thứ ba (trường hợp thân nhân của bị can, bị cáo bị tạm giam mời luật sư bào chữa cho họ). Theo đó, bên cung cấp dịch vụ thực hiện cho bên sử dụng DVPL một hoặc nhiều công việc có liên quan đến pháp luật thuộc lĩnh vực hành nghề đã đăng ký hoạt động, còn bên sử dụng DVPL có quyền sử dụng DVPL theo thỏa thuận và có nghĩa vụ thanh toán; (iii) Mục đích của bên cung cấp DVPL là nhận thù lao và chi phí, còn mục đích của bên sử dụng DVPL là nhằm thỏa mãn nhu cầu về DVPL.*

1.6. Các yếu tố cấu thành hợp đồng dịch vụ pháp lý giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp

Xét một cách sâu xa, do HĐDVPL là một loại hợp đồng xuất phát từ hợp đồng dân sự và hợp đồng thương mại nên HĐDVPL bao gồm tất cả các yếu tố cấu thành của hợp đồng dân sự và hợp đồng thương mại nói chung. Đó là các yếu tố về chủ thể, nguyên tắc giao kết, đối tượng, mục đích, quyền và nghĩa vụ các bên, giải

quyết tranh chấp,... Tuy nhiên, trong HĐDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp cũng có những yếu tố đặc thù sau đây:

1.6.1. Chủ thể tham gia hợp đồng dịch vụ pháp lý giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp

Nếu như trong hợp đồng dân sự, hợp đồng thương mại, chủ thể tham gia ký kết là pháp nhân, cá nhân thì trong HĐDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp chủ thể tham gia một bên phải là tổ chức hành nghề luật sư gọi là bên cung cấp DVPL và một bên phải là doanh nghiệp gọi là bên sử dụng DVPL.

Đây là một trong những yếu tố đặc thù của HĐDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp so với hợp đồng dân sự, hợp đồng thương mại hay các hợp đồng thông dụng khác. Bên cung cấp DVPL bắt buộc phải là tổ chức hành nghề luật sư và bên sử dụng DVPL phải là doanh nghiệp. Như vậy, xét về chủ thể bên cung cấp DVPL phải là một pháp nhân chứ không phải là cá nhân, nhưng pháp nhân đó phải được pháp luật thừa nhận và cho phép hành nghề DVPL. Còn chủ thể bên sử dụng DVPL phải là doanh nghiệp chứ không phải cá nhân.

1.6.2. Đối tượng của hợp đồng dịch vụ pháp lý giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp

Yếu tố cấu thành cơ bản của HĐDVPL là đối tượng của hợp đồng. Đối tượng của HĐDVPL là DVPL - một sản phẩm vô hình không tồn tại dưới dạng vật chất, đó là sản phẩm bằng trí tuệ của tổ chức hành nghề luật sư. Vì vậy cung cấp và sử dụng DVPL, các bên không cần quan tâm đến nơi chứa dịch vụ, không quan tâm tới việc cất giữ, tồn kho hay dự trữ dịch vụ dưới dạng vật chất. Điều quan trọng nhất là các bên trong HĐDVPL phải mô tả rất kỹ về phạm vi công việc, các bên đặt ra những yêu cầu cụ thể, mục tiêu các bên mong muốn đạt được khi cung cấp và sử dụng DVPL. Điều này đòi hỏi các bên phải có sự am hiểu về tính chất của DVPL, chất xám, trí tuệ của tổ chức hành nghề luật sư.

Đối tượng của HĐDVPL phải là công việc có thể thực hiện được. Đối tượng của HĐDVPL có phạm vi rất rộng, bao gồm tất cả những công việc mà luật sư có thể thực hiện được nhằm đáp ứng mọi nhu cầu về vật chất và tinh thần của bên sử

dụng DVPL. Tuy nhiên, phạm vi các công việc đó cũng phải tuân theo giới hạn mà pháp luật quy định, đó là công việc trong HĐDVPL không bị pháp luật cấm và không được trái với đạo đức xã hội. Các hành vi bị nghiêm cấm không những được quy định chi tiết tại Điều 9 Luật luật sư năm 2006 sửa đổi, bổ sung năm 2012 mà còn được cụ thể hóa tại các Quy tắc 8, Quy tắc 9, Quy tắc 14 trong Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam.

Trong trường hợp đối tượng của HĐDVPL bị pháp luật cấm, trái với đạo đức xã hội thì HĐDVPL đó bị vô hiệu và các bên tham gia hợp đồng bị xử lý theo quy định của pháp luật.

1.6.3. Khách thể của hợp đồng dịch vụ pháp lý giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp

Trong HĐDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp, yếu tố về khách thể là các hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, là kết quả các bên hướng đến khi giao kết, thực hiện hợp đồng.

Nhưng kết quả hướng đến các bên phải tuân theo pháp luật và phải được pháp luật cho phép, vì bên cung cấp DVPL phải lệ thuộc vào bên thứ ba trong những trường hợp tổ chức hành nghề luật sư cử luật sư tham gia tố tụng.

1.6.4. Quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng dịch vụ pháp lý giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp

- Quyền và nghĩa vụ của tổ chức hành nghề luật sư

Khi giao kết HĐDVPL, giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp không những thực hiện theo các quyền và nghĩa vụ của bộ luật dân sự và luật thương mại mà còn thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo luật luật sư.

Một trong những yếu tố đặc trưng về quyền của tổ chức hành nghề luật sư khi cung cấp DVPL cho doanh nghiệp là tham gia xây dựng chính sách, pháp luật của nhà nước. Quyền này có thể nhận thấy một cách cụ thể khi luật sư trong tổ chức hành nghề luật sư tham gia hoạt động tố tụng, tư vấn pháp luật, thực hiện các dự án cho doanh nghiệp.

Tổ chức hành nghề luật sư không đơn thuần là bên cung cấp dịch vụ thông dụng trong đời sống xã hội mà cung cấp dịch vụ có điều kiện. HĐDVPL là loại hình DVPL nên nghĩa vụ của tổ chức hành nghề luật sư trong HĐDVPL có phần khắt khe hơn đối với những loại hợp đồng thông dụng theo bộ luật dân sự và luật thương mại.

- *Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp*

Trong HĐDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp, các quyền và nghĩa của doanh nghiệp cơ bản thực hiện trên cơ sở những quy định của bộ luật dân sự và luật thương mại. Quyền của doanh nghiệp là được sử dụng DVPL và có nghĩa vụ phải trả thù lao và chi phí cho tổ chức hành nghề luật sư.

1.6.5. Giải quyết tranh chấp trong hợp đồng dịch vụ pháp lý giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp

Nhận diện giải quyết xung đột về lợi ích trong hợp đồng dịch vụ pháp lý giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp được quy định cụ thể tại Quy tắc 11 trong Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam.

Giải quyết tranh chấp là một trong những yếu tố quan trọng cấu thành HĐDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp. Liên quan đến giải quyết tranh chấp, Điều 59 Luật luật sư năm 2006 sửa đổi, bổ sung năm 2012 quy định: “1. Việc giải quyết tranh chấp có liên quan đến thù lao và chi phí của luật sư được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự; 2. Việc giải quyết tranh chấp về tiền lương của luật sư hành nghề với tư cách cá nhân làm việc cho cơ quan, tổ chức theo hợp đồng lao động được thực hiện theo quy định của pháp luật về lao động”.

Mặc dù, Điều 59 Luật luật sư năm 2006 sửa đổi, bổ sung năm 2012 không quy định cụ thể về tranh chấp HĐDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp nhưng tại khoản 1 ngầm hiểu luật sư được quy định ở đây là luật sư thành lập, tham gia thành lập hay luật sư làm việc theo hợp đồng lao động trong tổ chức hành nghề luật sư. Do vậy, khi có tranh chấp liên quan đến thù lao và chi phí giữa tổ

chức hành nghề luật sư và khách hàng thì được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

Từ những nội dung trên đây, cho thấy trong HĐDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp đòi hỏi phải đáp ứng đầy đủ các yếu tố cấu thành như đã nêu và buộc các bên phải tuân thủ thực hiện.

Kết luận Chương 1

Từ những nội dung trên, luận văn đã khái quát và làm rõ được những khái niệm và đặc điểm về: Tổ chức hành nghề luật sư, doanh nghiệp, hợp đồng, DVPL, HĐDVPL,... Đặc biệt, luận văn đã làm sáng tỏ được khái niệm, những dấu hiệu đặc trưng và các yếu tố cấu thành của HĐDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp. Nêu lên được vị trí, vai trò và mối quan hệ về HĐDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp. Đây được xem là những khái niệm mới hoàn chỉnh, góp phần hoàn thiện pháp luật về HĐDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp.

HĐDVPL không chỉ là một công cụ pháp lý đảm bảo quyền và lợi ích cho các bên, mà còn tạo mối quan hệ bền chặt giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp, thúc đẩy các bên cùng phát triển trong hoạt động của mình. Vì vậy, các doanh nghiệp cần phải nhìn nhận một cách khách quan về vị trí, vai trò của tổ chức hành nghề luật sư trong việc cung cấp DVPL, lợi ích của HĐDVPL nhằm giúp doanh nghiệp loại bỏ được những rủi ro pháp lý để an tâm trong mọi hoạt động sản xuất và kinh doanh.

Vị trí, vai trò của HĐDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp đã đóng góp tích cực cho sự phát triển doanh nghiệp tại thành phố Hồ Chí Minh nói riêng và doanh nghiệp ở Việt Nam nói chung trong quá khứ, hiện tại và tương lai.

Chương 2

THỰC TRẠNG QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VÀ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ PHÁP LÝ GIỮA TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ VÀ DOANH NGHIỆP

2.1. Thực trạng quy định pháp luật về hợp đồng dịch vụ pháp lý giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp

2.1.1. Quy định pháp luật về chủ thể trong hợp đồng dịch vụ pháp lý giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp

- Quy định pháp luật về chủ thể đối với tổ chức hành nghề luật sư (Bên cung cấp dịch vụ pháp lý)

Quy định pháp luật về chủ thể theo hợp đồng dân sự hay hợp đồng thương mại nói chung, chủ thể bên cung cấp dịch vụ rất đa dạng và phong phú. Đối với hợp đồng dân sự, chủ thể là các cá nhân, tổ chức (có thể có hoặc không có tư cách pháp nhân). Đối với hợp đồng thương mại, chủ thể phải là cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh (thương nhân).

Nhưng, trong lĩnh vực cung cấp DVPL có những nét đặc thù nên chủ thể bên cung cấp DVPL bị ràng buộc khắc khe về mặt pháp lý so với các chủ thể khác. Theo khoản 1 Điều 32 Luật luật sư năm 2006 sửa đổi, bổ sung năm 2012 quy định: *“Tổ chức hành nghề luật sư bao gồm: a) Văn phòng luật sư; b) Công ty luật”*. Khoản 3 Điều 32 Luật luật sư năm 2006 sửa đổi, bổ sung năm 2012 quy định về điều kiện thành lập tổ chức hành nghề luật sư như sau: *“Luật sư thành lập hoặc tham gia thành lập tổ chức hành nghề luật sư phải có ít nhất hai năm hành nghề liên tục làm việc theo hợp đồng lao động cho tổ chức hành nghề luật sư hoặc hành nghề với tư cách cá nhân theo hợp đồng lao động cho cơ quan, tổ chức theo quy định của Luật này”*.

Như vậy, chủ thể bên cung cấp DVPL phải là tổ chức hành nghề luật sư, được đăng ký thành lập và hoạt động theo luật luật sư, theo hình thức và điều kiện nhất định. Cụ thể, hình thức tổ chức hành nghề luật sư là văn phòng luật sư và công

ty luật. Công ty luật, có: công ty ty luật hợp danh, công ty luật TNHH có hai thành viên trở lên và công ty luật TNHH có một thành viên.

Điều kiện thành lập tổ chức hành nghề luật sư, bao gồm: Luật sư thành lập hoặc tham gia thành lập tổ chức hành nghề luật sư phải có ít nhất hai năm hành nghề liên tục làm việc theo hợp đồng lao động cho tổ chức hành nghề luật sư hoặc hành nghề với tư cách cá nhân theo hợp đồng lao động cho cơ quan, tổ chức theo quy định của luật luật sư; tổ chức hành nghề luật sư phải có trụ sở làm việc.

Một luật sư chỉ được thành lập hoặc tham gia thành lập một tổ chức hành nghề luật sư. Trong trường hợp luật sư ở các đoàn luật sư khác nhau cùng tham gia thành lập một công ty luật thì có thể lựa chọn thành lập và đăng ký hoạt động tại địa phương nơi có đoàn luật sư mà một trong các luật sư đó là thành viên.

Do tổ chức hành nghề luật sư có tính chất đặc thù nên cơ quan quản lý và cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cho tổ chức hành nghề luật sư cũng đặc thù là do Sở Tư pháp cấp và quản lý, chứ không phải là Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp như đối với doanh nghiệp.

- *Quy định pháp luật về chủ thể đối với doanh nghiệp (Bên sử dụng dịch vụ pháp lý)*

Về chủ thể bên sử dụng DVPL, yếu tố bắt buộc đối với bên sử dụng DVPL trong HĐDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp phải là doanh nghiệp chứ không phải cá thể. Doanh nghiệp trong phạm vi nghiên cứu luận văn này là được đăng ký thành lập theo quy định của luật doanh nghiệp.

Theo đó, doanh nghiệp được hiểu là một tổ chức kinh tế phải đáp ứng các điều kiện sau: Phải là tổ chức có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch; là tổ chức kinh tế được thành lập theo luật doanh nghiệp có tên doanh nghiệp do chủ doanh nghiệp lựa chọn và phù hợp với quy định của pháp luật; có tài sản để duy trì hoạt động và thực hiện việc kinh doanh thu lợi nhuận; có trụ sở chính để đảm bảo hoạt động của tổ chức công ty, địa điểm thực hiện giao dịch giữa công ty với khách hàng; doanh nghiệp phải được đăng ký theo quy định của pháp luật; việc thành lập doanh nghiệp là nhằm mục đích kinh doanh, thu lợi nhuận.

2.1.2. Quy định pháp luật về hình thức hợp đồng dịch vụ pháp lý giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp

- Quy định pháp luật về hình thức hợp đồng trong lĩnh vực dân sự và thương mại

Hình thức hợp đồng là cách thức biểu hiện ra bên ngoài của những nội dung của nó dưới một dạng vật chất hữu hình nhất định. Theo đó, những điều khoản mà các bên đã cam kết phải được thể hiện ra bên ngoài dưới một hình thức nhất định, hay nói cách khác hình thức của hợp đồng là phương tiện để ghi nhận nội dung mà các chủ thể đã xác định. Tùy thuộc vào nội dung và tính chất của từng hợp đồng cũng như tùy thuộc vào uy tín, độ tin cậy lẫn nhau mà các bên có thể lựa chọn một hình thức nhất định trong việc giao kết hợp đồng tùy từng trường hợp cụ thể.

Trong hợp đồng dân sự và hợp đồng thương mại có thể giao kết bằng lời nói (thực hiện chủ yếu qua sự tín nhiệm, giao dịch được thực hiện ngay hoặc những giao dịch đơn giản, có tính phổ thông, đối tượng giao dịch có giá trị thấp). Hoặc bằng văn bản (được thực hiện chủ yếu ở những giao dịch phức tạp, đối tượng của hợp đồng có giá trị lớn hoặc do pháp luật quy định phải thực hiện bằng văn bản). Hay các loại văn bản cũng được coi là hợp đồng nếu hai bên giao kết gián tiếp bằng các tài liệu giao dịch như: Công văn, điện báo, đơn chào hàng, đơn đặt hàng và được sự đồng ý của bên kia với nội dung phản ánh đầy đủ các nội dung chủ yếu cần có và không trái pháp luật thì được coi là hợp lệ. Hợp đồng cũng có thể được giao kết bằng hành vi cụ thể: Thông thường đây là một dạng quy ước đã hình thành trên cơ sở thông lệ mà các bên đã mặc nhiên chấp nhận.

- Quy định pháp luật về hình thức hợp đồng dịch vụ pháp lý giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp

Mặc dù nguyên tắc, giao kết và thực hiện HĐDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp xuất phát từ những nguyên tắc, giao kết và thực hiện theo hợp đồng dân sự và hợp đồng thương mại, nhưng hình thức HĐDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp theo pháp luật về luật sư lại bị ràng buộc phải làm thành văn bản. Theo khoản 1 Điều 26 Luật luật sư năm 2006 sửa đổi, bổ sung

năm 2012 quy định về thực hiện DVPL như sau: *“Luật sư thực hiện dịch vụ pháp lý theo hợp đồng dịch vụ pháp lý, trừ trường hợp luật sư tham gia tố tụng theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng và luật sư hành nghề với tư cách cá nhân làm việc theo hợp đồng lao động cho cơ quan, tổ chức”*. Khoản 2 Điều 26 Luật luật sư năm 2006 sửa đổi, bổ sung năm 2012 quy định về hình thức hợp đồng: *“Hình thức hợp đồng dịch vụ pháp lý phải được làm thành văn bản...”*.

Tuy nhiên, theo khoản 1 Điều 5 Thông tư số 17/2011/TT-BTP ngày 14/10/2011 của Bộ tư pháp quy định: *“Luật sư thực hiện DVPL theo HĐDVPL hoặc theo phiếu thỏa thuận thực hiện DVPL, trừ trường hợp luật sư tham gia tố tụng theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng và luật sư hành nghề với tư cách cá nhân làm việc theo hợp đồng cho cơ quan, tổ chức”*. Theo quy định tại Thông tư này, cho thấy có sự mâu thuẫn với Luật luật sư năm 2006 sửa đổi, bổ sung năm 2012, dẫn đến không nhất quán giữa cùng một hệ thống văn bản pháp luật.

Bên cạnh tổ chức hành nghề luật sư được hưởng thù lao và chi phí theo HĐDVPL, tổ chức hành nghề luật sư còn phải có nghĩa vụ đối với xã hội khi hoạt động tham gia tố tụng. Trong những trường hợp này, tổ chức hành nghề luật sư thực hiện theo yêu cầu của các cơ quan tiến hành tố tụng mà không bắt buộc phải ký HĐDVPL với khách hàng.

2.1.3. Quy định pháp luật về nội dung hợp đồng dịch vụ pháp lý giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp

Nội dung của HĐDVPL là tổng hợp các điều khoản mà các chủ thể tham gia giao kết hợp đồng đã thỏa thuận. Các điều khoản đó xác định quyền và nghĩa vụ cụ thể của các bên trong hợp đồng. Theo khoản 2 Điều 26 Luật luật sư năm 2006 sửa đổi, bổ sung năm 2012 thì HĐDVPL phải được làm thành văn bản và có những nội dung chính sau đây: *“a) Tên, địa chỉ của khách hàng hoặc người đại diện của khách hàng, đại diện của tổ chức hành nghề luật sư hoặc luật sư hành nghề với tư cách cá nhân; b) Nội dung dịch vụ; thời hạn thực hiện hợp đồng; c) Quyền, nghĩa vụ của các bên; d) Phương thức tính và mức thù lao cụ thể; các khoản chi phí (nếu có); đ) Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng; e) Phương thức giải quyết tranh chấp”*.

Theo đó, HĐDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp được thể hiện cụ thể những nội dung chính sau đây:

- *Tên, địa chỉ của khách hàng hoặc người đại diện của khách hàng, đại diện của tổ chức hành nghề luật sư*

Trong HĐDVPL phải thể hiện cụ thể tên, địa chỉ của khách hàng hoặc đại diện của khách hàng. Đại diện của khách hàng phải được thể hiện bằng văn bản và được chứng nhận hoặc chứng thực của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

Người đại diện theo pháp luật của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh phải là luật sư và là thành viên của công ty luật đó. Người đại diện theo pháp luật của văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên phải là luật sư chủ sở hữu của văn phòng luật sư, công ty luật.

- *Nội dung dịch vụ (phạm vi công việc/phạm vi hợp đồng) của tổ chức hành nghề luật sư*

Khi ký kết HĐDVPL, giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp phải thỏa thuận và thống nhất cụ thể từng nội dung dịch vụ, giới hạn phạm vi công việc mà tổ chức hành nghề luật sư cung cấp cho doanh nghiệp. Theo Điều 4 và Điều 22 Luật luật sư năm 2006 sửa đổi, bổ sung năm 2012 quy định về DVPL của luật sư và phạm vi hành nghề luật sư. Cho thấy phạm vi hành nghề của tổ chức hành nghề luật sư rất rộng, bao gồm nhưng không giới hạn trong các phạm vi sau đây:

Một là, luật sư tham gia tố tụng với tư cách là người bảo vệ quyền lợi của doanh nghiệp trong vụ án hình sự

Trong vụ án hình sự, doanh nghiệp có thể tham gia với một trong những tư cách sau: Người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quy định tại khoản 2 Điều 27 Luật Luật sư năm 2006 sửa đổi, bổ sung năm 2012.

Khi tham gia tố tụng, luật sư trong tổ chức hành nghề luật sư có quyền thực hiện những công việc sau để bảo vệ cho doanh nghiệp: Đưa ra tài liệu, đồ vật, yêu cầu; đọc, ghi chép và sao chụp những tài liệu trong hồ sơ vụ án liên quan đến việc

bảo vệ quyền lợi của doanh nghiệp sau khi kết thúc điều tra theo quy định của pháp luật; tham gia hỏi, tranh luận tại phiên tòa; xem biên bản phiên tòa; khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Luật sư có quyền đề nghị thay đổi người tiến hành tố tụng, người giám định, người phiên dịch.

Bên cạnh thực hiện các quyền, luật sư trong tổ chức hành nghề luật sư có những nghĩa vụ sau: Sử dụng mọi biện pháp do pháp luật quy định để góp phần làm rõ sự thật của vụ án; giúp doanh nghiệp về mặt pháp lý nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của họ.

Hai là, luật sư tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện hoặc là người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp là nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong các vụ án về tranh chấp dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động, hành chính, việc về yêu cầu dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động và các vụ, việc khác theo quy định của pháp luật

Trong phạm vi này, luật sư trong tổ chức hành nghề luật sư tham gia tố tụng từ khi khởi kiện hoặc bất cứ giai đoạn nào trong quá trình tố tụng và có các quyền: Thu thập và cung cấp tài liệu, chứng cứ cho tòa án; nghiên cứu hồ sơ vụ án và được ghi chép, sao chụp những tài liệu cần thiết có trong hồ sơ vụ án để thực hiện việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp. Tham gia việc hòa giải, phiên họp, phiên tòa hoặc trường hợp không tham gia thì được gửi văn bản bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp cho tòa án xem xét. Thay mặt doanh nghiệp yêu cầu thay đổi người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng khác theo quy định của pháp luật. Giúp doanh nghiệp về mặt pháp lý liên quan đến việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ; trường hợp được doanh nghiệp ủy quyền thì thay mặt doanh nghiệp nhận giấy tờ, văn bản tố tụng mà tòa án tổng đạt hoặc thông báo và có trách nhiệm chuyển cho doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, khi tham gia tố tụng, luật sư trong tổ chức hành nghề luật sư còn có quyền, nghĩa vụ sau đây: Tôn trọng tòa án, chấp hành nghiêm chỉnh nội quy

phiên tòa; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân đang lưu giữ, quản lý tài liệu, chứng cứ cung cấp tài liệu, chứng cứ đó cho mình; phải có mặt theo giấy triệu tập của tòa án và chấp hành quyết định của tòa án trong quá trình tòa án giải quyết vụ việc; đề nghị tòa án đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng; đề nghị tòa án tạm đình chỉ giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật; đưa ra câu hỏi với người khác về vấn đề liên quan đến vụ án hoặc đề xuất với tòa án những vấn đề cần hỏi người khác; được đối chất với nhau hoặc với người làm chứng; tranh luận tại phiên tòa, đưa ra lập luận về đánh giá chứng cứ và pháp luật áp dụng.

Ba là, thực hiện tư vấn pháp luật

Thực hiện tư vấn pháp luật của tổ chức hành nghề luật sư cho doanh nghiệp, đây là phạm vi rất rộng và hầu như bao trùm hết toàn bộ những vấn đề pháp lý liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Điều 28 Luật luật sư năm 2006 sửa đổi, bổ sung năm 2012 quy định về hoạt động tư vấn pháp luật của luật sư như sau: “1. *Tư vấn pháp luật là việc luật sư hướng dẫn, đưa ra ý kiến, giúp khách hàng soạn thảo các giấy tờ liên quan đến việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của họ. Luật sư thực hiện tư vấn pháp luật trong tất cả các lĩnh vực pháp luật; 2. Khi thực hiện tư vấn pháp luật, luật sư phải giúp khách hàng thực hiện đúng pháp luật để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của họ*”.

Tư vấn pháp luật là một trong những hoạt động quan trọng của tổ chức hành nghề luật sư. Trong quá trình hành nghề, đây chính là việc luật sư giải đáp pháp luật, hướng dẫn thực hiện đúng pháp luật, cung cấp DVPL khác nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho doanh nghiệp. Thông qua hoạt động này, tổ chức hành nghề luật sư đã góp phần tuyên truyền phổ biến, giải thích pháp luật nhằm nâng cao văn hoá tư pháp cho doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp có kiến thức pháp luật, nâng cao ý thức pháp luật, giảm thiểu được những tranh chấp, vi phạm pháp luật không đáng có, góp phần ổn định và phát triển từng bước nâng cao đời sống pháp lý trong doanh nghiệp.

Bốn là, đại diện ngoài tố tụng cho khách hàng để thực hiện các công việc có liên quan đến pháp luật

Hoạt động đại diện ngoài tổ tụng của luật sư được quy định cụ thể tại Điều 29 Luật luật sư năm 2006 sửa đổi, bổ sung năm 2012. Tổ chức hành nghề luật sư cử luật sư trong tổ chức của mình làm người đại diện cho doanh nghiệp để tiến hành đàm phán, thương lượng hỗ trợ doanh nghiệp ký kết hợp đồng, các giao dịch liên quan với đối tác theo phạm vi ủy quyền; tham gia với vai trò là trung gian giúp các bên thương lượng hoặc hòa giải các tranh chấp phát sinh trong lĩnh vực dân sự, lao động, kinh doanh thương mại trên cơ sở các bên cùng có lợi và bảo mật thông tin; luật sư đại diện cho doanh nghiệp làm việc đối với các cơ quan nhà nước, thực hiện các công việc liên quan đến các thủ tục hành chính,...

Để luật sư được quyền nhân danh, thực hiện các nội dung công việc cụ thể, doanh nghiệp phải thực hiện thủ tục ủy quyền cho luật sư. Việc ủy quyền được thực hiện bằng một trong các hình thức là giấy ủy quyền hoặc hợp đồng ủy quyền.

Năm là, thực hiện dịch vụ pháp lý khác

Liên quan đến phạm vi thực hiện dịch vụ pháp lý khác của luật sư, Điều 30 Luật luật sư năm 2006 sửa đổi, bổ sung năm 2012 quy định: “1. *Dịch vụ pháp lý khác của luật sư bao gồm giúp đỡ khách hàng thực hiện công việc liên quan đến thủ tục hành chính; giúp đỡ về pháp luật trong trường hợp giải quyết khiếu nại; dịch thuật, xác nhận giấy tờ, các giao dịch và giúp đỡ khách hàng thực hiện công việc khác theo quy định của pháp luật; 2. Khi thực hiện dịch vụ pháp lý khác, luật sư có quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật có liên quan*”.

Theo quy định này, thì tổ chức hành nghề luật sư hầu như được thực hiện toàn bộ những công việc liên quan đến pháp luật trong đời sống xã hội, trừ những trường hợp cụ thể do pháp luật quy định cho các tổ chức hành nghề khác trong các lĩnh vực khác, như: công chứng, thừa phát lại,...

- Thời hạn thực hiện hợp đồng dịch vụ pháp lý

Thời hạn thực hiện HĐDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp là do sự thỏa thuận giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, trong HĐDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp, tổ chức hành nghề luật sư không thể cam kết thời hạn thực hiện hợp

đồng với doanh nghiệp khi vụ việc đó liên quan đến thủ tục tố tụng, vì thời hạn giải quyết thuộc thẩm quyền của cơ quan tố tụng.

- *Quyền và nghĩa vụ của tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp*

Một là, quyền và nghĩa vụ của tổ chức hành nghề luật sư

Theo Điều 39 Luật luật sư năm 2006 sửa đổi, bổ sung năm 2012 quy định về quyền của tổ chức hành nghề luật sư như sau: “1. Thực hiện dịch vụ pháp lý; 2. Nhận thù lao từ khách hàng; 3. Thuê luật sư Việt Nam, luật sư nước ngoài và nhân viên làm việc cho tổ chức hành nghề luật sư; 4. Tham gia xây dựng chính sách, pháp luật của Nhà nước; tham gia tư vấn, giải quyết các vụ việc của cá nhân, cơ quan, tổ chức khi được yêu cầu; 5. Hợp tác với tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài; 6. Thành lập chi nhánh, văn phòng giao dịch trong nước; 7. Đặt cơ sở hành nghề ở nước ngoài; 8. Các quyền khác theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan”.

Song song với thực hiện các quyền hành nghề của mình, tổ chức hành nghề luật sư còn thực hiện các nghĩa vụ khác khi cung cấp DVPL cho doanh nghiệp. Một trong những nghĩa vụ đặc trưng mà tổ chức hành nghề luật sư phải thực hiện, đó là: Hoạt động theo đúng lĩnh vực hành nghề ghi trong giấy đăng ký hoạt động, thực hiện đúng những nội dung đã giao kết với khách hàng, bồi thường thiệt hại do lỗi mà luật sư của tổ chức mình gây ra cho khách hàng, mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho luật sư của tổ chức mình theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm, thực hiện việc quản lý và bảo đảm cho luật sư của tổ chức mình tuân thủ pháp luật, tuân theo Điều lệ của Liên đoàn luật sư Việt Nam và Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam như quy định tại Điều 40 Luật luật sư năm 2006 sửa đổi, bổ sung năm 2012.

Bên cạnh đó, khi nhận và thực hiện vụ, việc của doanh nghiệp thì tổ chức hành nghề luật sư còn phải thực hiện những trách nhiệm khác theo Điều 24 Luật luật sư năm 2006 sửa đổi, bổ sung năm 2012. Không những nghiêm túc thực hiện những nghĩa vụ và trách nhiệm của mình, tổ chức hành nghề luật sư còn phải bị cấm thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật khác.

Hai là, quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp

Quyền của doanh nghiệp là được yêu cầu tổ chức hành nghề luật sư thực hiện công việc theo đúng chất lượng, số lượng, thời hạn, địa điểm và thỏa thuận khác; trường hợp tổ chức hành nghề luật sư vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thì doanh nghiệp có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng và yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Nghĩa vụ của doanh nghiệp là cung cấp cho tổ chức hành nghề luật sư thông tin, tài liệu và các phương tiện cần thiết để thực hiện công việc, nếu có thỏa thuận hoặc việc thực hiện công việc đòi hỏi; trả tiền dịch vụ cho tổ chức hành nghề luật sư theo thỏa thuận.

- Phương thức tính và mức thù lao, chi phí trong hợp đồng dịch vụ pháp lý

Một là, căn cứ và phương thức tính thù lao, chi phí

Mức thù lao được tính dựa trên các căn cứ sau đây: Nội dung, tính chất của DVPL; thời gian và công sức của luật sư trong tổ chức hành nghề luật sư sử dụng để thực hiện DVPL; kinh nghiệm và uy tín của luật sư trong tổ chức hành nghề luật sư.

Thù lao được tính theo các phương thức sau đây: Giờ làm việc của luật sư; vụ, việc với mức thù lao trọn gói; vụ, việc với mức thù lao tính theo tỷ lệ phần trăm của giá ngạch vụ kiện hoặc giá trị hợp đồng, giá trị dự án; hợp đồng dài hạn với mức thù lao cố định.

Hai là, mức thù lao và chi phí

Khi ký HĐDVPL với tổ chức hành nghề luật sư, thông thường doanh nghiệp có nghĩa vụ thanh toán hai khoản cơ bản sau: Thù lao và chi phí. Mức thù lao là do các bên thỏa thuận dựa trên phương thức: Giờ làm việc, vụ, việc, trọn gói hay hợp đồng dài hạn với mức cố định hàng tháng,... Chi phí thanh toán là các khoản chi phí tiền tàu, xe, lưu trú và những chi phí hợp pháp khác.

Thù lao và chi phí được tính trong các trường hợp:

Thù lao, chi phí trong trường hợp tổ chức hành nghề luật sư cung cấp DVPL theo HĐDVPL: Mức thù lao được thỏa thuận trong HĐDVPL; đối với vụ án hình sự mà luật sư tham gia tố tụng thì mức thù lao không được vượt quá mức trần thù

lao do Chính phủ quy định. Tiền tàu xe, lưu trú và các chi phí hợp lý khác cho việc thực hiện DVPL do các bên thỏa thuận trong HĐDVPL.

Mức trần thù lao luật sư tham gia tố tụng trong vụ án hình sự: Mức thù lao luật sư tham gia tố tụng trong vụ án hình sự do tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp thỏa thuận trong HĐDVPL dựa trên các căn cứ: Nội dung, tính chất của dịch vụ pháp lý; thời gian và công sức của luật sư sử dụng để thực hiện DVPL; kinh nghiệm và uy tín của luật sư. Và được tính theo giờ hoặc tính trọn gói theo vụ việc, nhưng mức cao nhất cho 01 giờ làm việc của luật sư không được vượt quá 0,3 lần mức lương cơ sở do Chính phủ quy định. Thời gian làm việc của luật sư do tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp thỏa thuận.

Thù lao và chi phí cho luật sư trong trường hợp luật sư tham gia tố tụng theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng: Đối với những vụ án do cơ quan tiến hành tố tụng yêu cầu luật sư thì mức thù lao được trả cho 01 ngày làm việc của luật sư là 0,4 lần mức lương cơ sở do Chính phủ quy định.

- *Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng dịch vụ pháp lý*

Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng là trách nhiệm phát sinh do một bên vi phạm nghĩa vụ được quy định trong hợp đồng. Tùy thuộc vào tính chất, hậu quả của sự vi phạm do vi phạm hợp đồng sẽ là trách nhiệm buộc phải thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng, trách nhiệm bồi thường thiệt hại (nếu đã gây thiệt hại) và có thể là trách nhiệm phạt vi phạm nếu các bên có thỏa thuận.

Theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam, có hai văn bản quy phạm pháp luật có giá trị điều chỉnh quan hệ về chế tài phạt vi phạm là Bộ luật dân sự năm 2015 và Luật thương mại năm 2005. Theo Điều 418 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về mức phạt vi phạm được áp dụng cho các quan hệ dân sự như sau: “*Mức phạt vi phạm do các bên thỏa thuận...trừ trường hợp luật liên quan có quy định khác...*”. Giới hạn trong mức phạt vi phạm, theo Điều 301 Luật thương mại năm 2005 thì: “*Mức phạt đối với vi phạm nghĩa vụ hợp đồng hoặc tổng mức phạt đối với nhiều vi phạm do các bên thỏa thuận trong hợp đồng, nhưng không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm*”. Ở đây có sự khác biệt giữa hai văn bản khi

cùng điều chỉnh một vấn đề. Vì thế, chúng ta phải phân biệt được những quan hệ nào được bộ luật dân sự điều chỉnh, những quan hệ nào được luật thương mại điều chỉnh để có thể áp dụng một cách chính xác.

Theo luật luật sư hiện hành thì không có quy định nào quy định về trách nhiệm do vi phạm hợp đồng nếu có một trong các bên trong HĐDVPL có vi phạm. Luật luật sư năm 2006 sửa đổi, bổ sung năm 2012 không có một quy định cụ thể nào quy định về trách nhiệm do vi phạm hợp đồng đối với doanh nghiệp. Ngược lại, sự ràng buộc quy định của pháp luật về trách nhiệm do vi phạm hợp đồng chủ yếu là đối với tổ chức hành nghề luật sư.

Tại khoản 5 và khoản 6 Điều 40 Luật luật sư năm 2006 sửa đổi, bổ sung năm 2012 quy định: “...5. *Bồi thường thiệt hại do lỗi mà luật sư của tổ chức mình gây ra cho khách hàng*; 6. *Mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho luật sư của tổ chức mình theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm...*”. Đồng thời, theo Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam thì luật sư chỉ được quyền từ chối nhận và thực hiện vụ việc cho khách hàng khi luật sư nhận thấy những vụ việc đó luật sư không thể thực hiện được, pháp luật không cho phép, vi phạm quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp hoặc có sự lừa dối của khách hàng,... Bên cạnh đó, tổ chức hành nghề luật sư còn bị ràng buộc về mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp.

Như vậy, pháp luật về luật sư vẫn còn khoảng trống pháp lý khi chưa quy định một cách chặt chẽ về trách nhiệm do vi phạm hợp đồng liên quan đến HĐDVPL. Theo luật luật sư hiện hành, nếu có phát sinh tranh chấp HĐDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp thì được điều chỉnh theo pháp luật dân sự. Điều này, hoàn toàn chưa hợp lý khi DVPL lại mang tính chất thương mại, nên khi các bên có vi phạm hợp đồng thì phải giải quyết theo pháp luật kinh doanh - thương mại.

- *Phương thức giải quyết tranh chấp hợp đồng dịch vụ pháp lý*

Hiện nay pháp luật không quy định về khái niệm tranh chấp hợp đồng nói chung, tranh chấp HĐDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp nói

riêng. Tuy nhiên, quan hệ pháp luật về HĐDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp dựa trên nền tảng quan hệ pháp luật dân sự, quan hệ pháp luật thương mại nên tranh chấp hợp đồng có các đặc điểm sau: Phát sinh trực tiếp từ quan hệ hợp đồng; mang yếu tố tài sản và gắn liền lợi ích các bên trong tranh chấp; có sự vi phạm thực hiện hoặc không thực hiện nghĩa vụ của một hoặc các bên, sự vi phạm này làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bên còn lại.

Phương thức giải quyết khi có tranh chấp xảy ra thường là thương lượng, hòa giải. Trong trường hợp các bên không thương lượng, hòa giải được thì phương thức giải quyết tranh chấp giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp có liên quan đến thù lao và chi phí của luật sư là khởi kiện tại tòa án nhân dân có thẩm quyền. Trình tự, thủ tục được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự và pháp luật về tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 59 Luật luật sư năm 2006 sửa đổi, bổ sung năm 2012 quy định: *“Việc giải quyết tranh chấp có liên quan đến thù lao và chi phí của luật sư được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự”*.

2.1.4. Quy định pháp luật về thực hiện hợp đồng dịch vụ pháp lý giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp

- Quy định pháp luật về nguyên tắc thực hiện hợp đồng

Theo Điều 5 Luật luật sư năm 2006 sửa đổi, bổ sung năm 2012 thì tổ chức hành nghề luật sư phải tuân thủ theo các nguyên tắc sau: *“1. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; 2. Tuân theo Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam; 3. Độc lập, trung thực, tôn trọng sự thật khách quan; 4. Sử dụng các biện pháp hợp pháp để bảo vệ tốt nhất quyền, lợi ích hợp pháp của khách hàng; 5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động nghề nghiệp luật sư”*.

Không những thực hiện theo luật chuyên ngành, khi thực hiện HĐDVPL, các bên phải tuân thủ các nguyên tắc cơ bản đã được quy định trong bộ luật dân sự. Bên cạnh đó, HĐDVPL còn phải tuân thủ một trong những nguyên tắc cơ bản trong hoạt động thương mại. Điều 11 Luật thương mại năm 2005 quy định về nguyên tắc tự do, tự nguyện thỏa thuận trong hoạt động thương mại như sau: *“1. Các bên có quyền tự do thỏa thuận không trái với các quy định của pháp luật, thuần phong mỹ*

tục và đạo đức xã hội để xác lập các quyền và nghĩa vụ của các bên trong hoạt động thương mại. Nhà nước tôn trọng và bảo hộ các quyền đó; 2. Trong hoạt động thương mại, các bên hoàn toàn tự nguyện, không bên nào được thực hiện hành vi áp đặt, cưỡng ép, đe dọa, ngăn cản bên nào”.

- Quy định pháp luật về phương thức thực hiện hợp đồng

Phương thức thực hiện hợp đồng là việc các bên tiến hành các hành vi mà mỗi bên tham gia hợp đồng phải thực hiện nhằm đáp ứng những quyền tương ứng của bên kia. Nguyên tắc thực hiện hợp đồng, các bên phải tuân theo các nguyên tắc như thực hiện đúng hợp đồng, đúng đối tượng, chất lượng, số lượng, chủng loại, thời hạn, phương thức và các thoả thuận khác. Thực hiện một cách trung thực, theo tinh thần hợp tác và có lợi nhất cho các bên, bảo đảm tin cậy lẫn nhau. Không được xâm phạm đến công cộng, lợi ích hợp pháp của người khác.

Sửa đổi hợp đồng là việc các bên đã tham gia giao kết hợp đồng bằng ý chí tự nguyện của mình thỏa thuận với nhau để phủ nhận (làm thay đổi) một số điều khoản trong nội dung của hợp đồng đã giao kết. Sau khi hợp đồng đã được sửa đổi, các bên thực hiện hợp đồng theo những phần không bị sửa đổi trong nội dung của hợp đồng trước đó cùng với những nội dung mới được sửa đổi, đồng thời cùng nhau giải quyết những hậu quả khác của việc sửa đổi hợp đồng.

Tuy Luật luật sư năm 2006 sửa đổi, bổ sung năm 2012 không quy định về cách thức thực hiện HĐDVPL nhưng tại mục 8.2 Quy tắc 8 Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam có quy định: *“Trong khi thực hiện cung cấp dịch vụ pháp lý cho khách hàng, luật sư không để tiền bạc hoặc lợi ích vật chất khác chi phối đạo đức và ứng xử nghề nghiệp làm sai lệch mục đích của nghề luật sư”.*

2.1.5. Quy định pháp luật về hiệu lực và chấm dứt hợp đồng dịch vụ pháp lý giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp

- Quy định pháp luật về hiệu lực hợp đồng dịch vụ pháp lý

Về nguyên tắc hợp đồng có hiệu lực từ thời điểm giao kết. Tuy nhiên, thời điểm có hiệu lực của hợp đồng dịch vụ còn được xác định theo sự thỏa thuận hoặc theo quy định của pháp luật.

Hợp đồng chỉ có hiệu lực khi đáp ứng đủ 4 điều kiện sau:

Một là, các chủ thể ký kết hợp đồng phải hợp pháp. Thông thường các bên giao kết phải có đầy đủ năng lực hành vi dân sự.

Hai là, các chủ thể ký kết hợp đồng phải hoàn toàn tự nguyện, tức là xuất phát từ ý chí thực, từ sự tự do ý chí của các bên trong các thỏa thuận hợp đồng đó.

Ba là, nội dung của hợp đồng không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Bên cạnh đó, nội dung của hợp đồng cần phải cụ thể, bởi vì việc xác lập nghĩa vụ trong hợp đồng phải cụ thể và có tính khả thi. Những nghĩa vụ trong hợp đồng mà không thể thực hiện được thì hợp đồng cũng không được coi là có hiệu lực pháp lý làm phát sinh quyền và nghĩa vụ.

Bốn là, thủ tục và hình thức của hợp đồng phải tuân theo những thể thức nhất định phù hợp với những quy định của pháp luật đối với từng loại hợp đồng.

- *Quy định pháp luật về chấm dứt hợp đồng dịch vụ pháp lý*

Luật luật sư năm 2006 sửa đổi, bổ sung năm 2012 không quy định cụ thể những trường hợp nào thì kết thúc hợp đồng. Tuy nhiên, theo Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam chỉ quy định những trường hợp đơn phương chấm dứt hợp đồng. Khi đơn phương chấm dứt hợp đồng thì tổ chức hành nghề luật sư có nghĩa vụ phải thông báo bằng văn bản cho khách hàng trong thời hạn hợp lý để khách hàng có điều kiện tìm tổ chức hành nghề luật sư khác, đồng thời giải quyết nhanh chóng các vấn đề liên quan đến việc chấm dứt HĐDVPL đã ký kết.

Từ những quy định pháp luật về HĐDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp đã được trình bày và phân tích trên, cho thấy đây là loại hợp đồng dân sự được sự điều chỉnh theo pháp luật chuyên ngành là luật luật sư, theo quy định của bộ luật dân sự, đồng thời có sự điều chỉnh của luật thương mại.

2.2. Thực trạng thực hiện pháp luật về hợp đồng dịch vụ pháp lý giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp tại thành phố Hồ Chí Minh

2.2.1. Những đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội của thành phố Hồ Chí Minh có liên quan đến hợp đồng dịch vụ pháp lý giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp

- *Những đặc điểm tự nhiên của thành phố Hồ Chí Minh có liên quan đến hợp đồng dịch vụ pháp lý giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp*

Thành phố Hồ Chí Minh có vị trí, điều kiện thuận lợi về mặt tự nhiên, nằm trong địa bàn kinh tế trọng điểm phía Nam, là trung tâm của vùng với các đầu mối giao thông quốc tế quan trọng, đó là sân bay Tân Sơn Nhất, cảng Sài Gòn, ga Sài Gòn, nút giao thông đường bộ tỏa đi khắp nơi trong khu vực, hình thành các đường vành đai, đường cao tốc hiện đại nối liền với các tỉnh, thành lân cận...

Thành phố Hồ Chí Minh cách thủ đô Hà Nội gần 1.730 km bằng đường bộ. Đồng thời, thành phố Hồ Chí Minh còn nằm ở vị trí chiến lược trên thế giới, ở ngã tư quốc tế giữa các con đường hàng hải từ Bắc xuống Nam, từ Đông sang Tây, là tâm điểm của khu vực Đông Nam Á. Trung tâm Thành phố cách bờ biển Đông 50 km đường chim bay. Đây là đầu mối giao thông nối liền các tỉnh trong vùng và là cửa ngõ quốc tế.

Bởi những yếu tố thuận lợi về điều kiện tự nhiên, không những giúp cho người dân, doanh nghiệp trong nước tập trung về đây sinh sống, làm việc, mà còn là vùng đất để cho cộng đồng dân cư, cộng đồng doanh nghiệp nước ngoài luôn quan tâm, tìm đến nhằm đầu tư và sinh sống. Khi đó, mọi giao dịch dân sự, sản xuất, kinh doanh phát sinh những vấn đề liên quan đến pháp luật. Đây là một trong những điều kiện thuận lợi để thúc đẩy và phát triển DVPL của tổ chức hành nghề luật sư đối với doanh nghiệp.

- *Những đặc điểm kinh tế - xã hội của thành phố Hồ Chí Minh có liên quan đến hợp đồng dịch vụ pháp lý giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp*

Ngoài những yếu tố thuận lợi về mặt tự nhiên, hiện nay thành phố Hồ Chí Minh còn là một trung tâm kinh tế, văn hóa, xã hội lớn nhất của cả các nước, là đô thị đặc biệt của Việt Nam.

Thành phố Hồ Chí Minh giữ vai trò đầu tàu kinh tế của cả nước. Nền kinh tế của thành phố Hồ Chí Minh hình thành và phát triển đa dạng về nhiều lĩnh vực: Từ lĩnh vực tài chính, ngân hàng, thương mại, dịch vụ cho đến lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, chế biến thủy - hải sản,...

Theo Quyết định số 2631/QĐ-TTg ngày 31/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025, cho thấy mục tiêu tổng quát là xây dựng thành phố Hồ Chí Minh văn minh, hiện đại với vai trò đô thị đặc biệt, đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đóng góp ngày càng lớn đối với khu vực và cả nước; từng bước trở thành trung tâm lớn về kinh tế, tài chính, thương mại, khoa học - công nghệ của đất nước và khu vực Đông Nam Á. Thành phố Hồ Chí Minh định hướng phát triển các ngành dịch vụ theo hướng bền vững và lâu dài.

Với những yếu tố thuận lợi về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và định hướng phát triển các ngành dịch vụ nên đã tác động mạnh mẽ đến thị trường DVPL, giúp cho các tổ chức hành nghề luật sư có cơ hội cọ xát thị trường, cung cấp DVPL cho doanh nghiệp được tốt hơn.

2.2.2. Tình hình thực hiện pháp luật về hợp đồng dịch vụ pháp lý giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp tại thành phố Hồ Chí Minh

- *Khái quát về số lượng tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp tại thành phố Hồ Chí Minh*

+ *Khái quát về số lượng tổ chức hành nghề luật sư tại thành phố Hồ Chí Minh*

Với những lợi thế về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và cùng với sự phát triển chung trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ, các tổ chức hành nghề luật sư tại thành phố Hồ Chí Minh đã hoạt động ổn định và phát triển. Công tác quản trị, điều hành tổ chức, hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư được cải tiến theo hướng chuyên nghiệp. Một số tổ chức hành nghề luật sư đã có quy mô khá và tăng doanh thu.

Tính đến tháng 11/2013, thành phố Hồ Chí Minh là địa phương có số lượng luật sư, tổ chức hành nghề luật sư nhiều nhất trong cả nước với 3.473 luật sư (chiếm tỷ lệ hơn 40% so với số lượng luật sư cả nước - khoảng hơn 8.000 luật sư), chiếm 1.395 tổ chức hành nghề luật sư (chiếm tỷ lệ khoảng 45% so với số lượng tổ chức hành nghề luật sư trên cả nước - khoảng hơn 3.200 tổ chức hành nghề luật sư) [36, tr.1].

Theo thống kê mới nhất của Sở Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh thì tính đến ngày 19/5/2015 có tất cả 54 tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài và tính đến ngày

30/9/2016 có tất cả 1.610 tổ chức hành nghề luật sư trong nước cùng đang hoạt động tại thành phố Hồ Chí Minh. Nâng tổng số tổ chức hành nghề luật sư cùng hoạt động tại thành phố Hồ Chí Minh là 1.664 [53]. Dự báo số lượng tổ chức hành nghề luật sư tại Thành phố sẽ tiếp tục có chiều hướng gia tăng trong thời gian tới nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng DVPL của xã hội nói chung, của doanh nghiệp nói riêng.

Trong những năm gần đây, lĩnh vực tư vấn pháp luật đã được các tổ chức hành nghề luật sư quan tâm nhiều hơn. Đồng thời, số tổ chức hành nghề luật sư chuyên nghiệp hoặc chủ yếu cung cấp DVPL trong lĩnh vực kinh tế như: Đầu tư, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, hàng không, hàng hải, sở hữu trí tuệ ngày càng tăng. Trong đó có một số tổ chức hành nghề luật sư có khả năng thực hiện DVPL với chất lượng cao cho các tổ chức kinh tế, nhà đầu tư nước ngoài.

+ *Khái quát về số lượng doanh nghiệp tại thành phố Hồ Chí Minh*

Tính đến tháng 11/2016, số doanh nghiệp được thành lập mới tại thành phố Hồ Chí Minh là 3.093 doanh nghiệp [54]. Theo kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, phấn đấu đến năm 2020 phải có 500.000 doanh nghiệp. Vì theo Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ quy định về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp thì mục tiêu chung của cả nước là thành lập 1 triệu doanh nghiệp, nên thành phố Hồ Chí Minh phải thể hiện đúng vai trò đầu tàu khi đảm nhiệm một nửa chỉ tiêu này cũng là hợp lý.

- *Tình hình thực hiện pháp luật về hợp đồng dịch vụ pháp lý giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp tại thành phố Hồ Chí Minh*

+ *Tình hình thực hiện hợp đồng dịch vụ pháp lý*

Thứ nhất, hoạt động hành nghề luật sư ngày càng khẳng định được vị trí, vai trò của tổ chức hành nghề luật sư trong việc góp phần bảo vệ công lý, công bằng xã hội và pháp chế xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công cuộc hội nhập kinh tế quốc tế của cả nước nói chung cũng như của thành phố Hồ Chí Minh nói riêng. Trong những năm qua, thông qua hoạt động nghề nghiệp của mình, tổ chức hành nghề luật sư đã giúp cho cộng đồng xã hội, doanh nghiệp nhận thức rõ hơn về vai trò của pháp luật trong đời sống, thấy được tầm quan trọng của hoạt động luật sư trong đời sống pháp

luật của người dân Thành phố, giúp cho các chủ thể tham gia quan hệ pháp luật hình thành thói quen “sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật”.

Thứ hai, thực hiện pháp luật về HDDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp tại thành phố Hồ Chí Minh có những chuyển biến tích cực. Hoạt động tư vấn pháp luật và dịch vụ pháp lý khác của tổ chức hành nghề luật sư là một trong những yếu tố quan trọng góp phần tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh minh bạch, lành mạnh theo đúng pháp luật, đồng thời hỗ trợ tích cực trong việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển thị trường dịch vụ, giải quyết việc làm. Sự tham gia tích cực của các tổ chức hành nghề luật sư trong các dự án đầu tư, các giao dịch kinh doanh, thương mại không chỉ góp phần huy động nội lực mà còn thu hút đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Trong thời gian qua, một số tổ chức hành nghề luật sư Việt Nam đã trưởng thành nhanh chóng, tạo được sự tin nhiệm trên thị trường về DVPL trong khu vực và quốc tế.

Thứ ba, các doanh nghiệp tại thành phố Hồ Chí Minh đã, đang và sẽ có nhu cầu rất lớn sử dụng DVPL của tổ chức hành nghề luật sư trong hoạt động sản xuất và kinh doanh của mình. DVPL của tổ chức hành nghề luật sư hiện nay đang là mảng dịch vụ hỗ trợ mà các doanh nghiệp có nhu cầu rất lớn. Điều này xuất phát từ 2 yếu tố cơ bản. *Một là*, ở trong nước đang có xu hướng mới trong quản lý kinh tế. Theo đó, Nhà nước giảm dần và hạn chế can thiệp vào các hoạt động của doanh nghiệp; *hai là*, trong quan hệ với bên ngoài, quá trình hội nhập kinh tế quốc tế đang được tăng cường cả về chiều rộng và lẫn cả chiều sâu.

Thứ tư, hoạt động của các tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam trong thời gian qua cũng có những đóng góp tích cực trong việc tạo môi trường pháp lý thuận lợi, thu hút đầu tư nước ngoài vào thành phố Hồ Chí Minh, góp phần hình thành và phát triển thị trường DVPL tại Việt Nam. Các tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam hỗ trợ tích cực cho các hoạt động kinh doanh, đầu tư, thương mại, tạo điều kiện cho các tổ chức hành nghề luật sư Việt Nam có thêm cơ hội tiếp nhận, nâng cao trình độ tổ chức, kiến thức và kỹ năng hành nghề mang tính chất quốc tế.

+ *Tình hình giao kết hợp đồng dịch vụ pháp lý*

Mối quan hệ gắn bó giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp có thể nhận thấy, khi giao kết HDDVPL với tổ chức hành nghề luật sư với nội dung cụ thể hay tư vấn pháp luật thường xuyên thì doanh nghiệp có cơ hội có luật sư bên cạnh để xử lý mọi tình huống liên quan đến pháp lý.

Luật luật sư năm 2006 sửa đổi, bổ sung năm 2012 đã mở rộng hơn về đối tượng điều chỉnh, tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ thể tham gia quan hệ hợp đồng. Tuy nhiên, thực tế việc áp dụng Luật luật sư năm 2006 sửa đổi, bổ sung năm 2012 trong những năm qua cho thấy những vướng mắc nhất định, đặc biệt là các quy định về vấn đề giao kết HDDVPL.

Thứ nhất, về nguyên tắc hành nghề luật sư. Luật luật sư năm 2006 sửa đổi, bổ sung năm 2012 không quy định cụ thể về nguyên tắc hành nghề luật sư, Điều 5 chỉ quy định ngắn gọn: “1. *Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; 2. Tuân theo Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam; 3. Độc lập, trung thực, tôn trọng sự thật khách quan; 4. Sử dụng các biện pháp hợp pháp để bảo vệ tốt nhất quyền, lợi ích hợp pháp của khách hàng; 5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động nghề nghiệp luật sư*”.

Nguyên tắc hành nghề khi cung cấp DVPL cho doanh nghiệp, tổ chức hành nghề luật sư không những chịu sự điều chỉnh của pháp luật chuyên ngành là pháp luật luật sư, mà còn chịu sự điều chỉnh của pháp luật dân sự, pháp luật thương mại.

Thứ hai, về nhận và thực hiện vụ, việc của khách hàng. Điều 24 Luật luật sư năm 2006 sửa đổi, bổ sung năm 2012 quy định: “1. *Luật sư tôn trọng sự lựa chọn luật sư của khách hàng; chỉ nhận vụ, việc theo khả năng của mình và thực hiện vụ, việc trong phạm vi yêu cầu của khách hàng; 2. Khi nhận vụ, việc, luật sư thông báo cho khách hàng về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm nghề nghiệp của luật sư trong việc thực hiện dịch vụ pháp lý cho khách hàng; 3. Luật sư không chuyển giao vụ, việc mà mình đã nhận cho luật sư khác làm thay, trừ trường hợp được khách hàng đồng ý hoặc trường hợp bất khả kháng*”.

Với những quy định trên, khi giao kết HĐDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp, dường như trách nhiệm luôn đặt nặng cho bên cung cấp DVPL là tổ chức hành nghề luật sư - những người am tường về kiến thức pháp luật hơn là đối với bên sử dụng DVPL là doanh nghiệp.

+ *Tình hình tranh chấp hợp đồng dịch vụ pháp lý*

Qua thực tiễn xét xử tại thành phố Hồ Chí Minh thì tình hình tranh chấp HĐDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp không đáng ghi nhận. Tuy nhiên, trong thời gian qua cũng có những vụ tranh chấp về HĐDVPL nhưng thường liên quan đến những trường hợp tranh chấp sau:

Thứ nhất, tranh chấp HĐDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp liên quan đến thù lao và chi phí DVPL. Có nhiều tổ chức hành nghề luật sư lâm vào tình trạng bị khách hàng là doanh nghiệp vi phạm nghĩa vụ thanh toán thù lao và phí dịch vụ sau khi tổ chức hành nghề luật sư đã hoàn thành nghĩa vụ cung cấp DVPL cho doanh nghiệp và doanh nghiệp đã đạt mục đích của mình. Theo quy định của bộ luật dân sự, bộ luật tố tụng dân sự, luật luật sư thì tổ chức hành nghề luật sư hoàn toàn có quyền khởi kiện dân sự ra tòa án đối với doanh nghiệp, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán mà họ đã cam kết. Tuy nhiên, cũng có tổ chức hành nghề luật sư đành chấp nhận thiệt thòi không tiến hành khởi kiện để không mất thời gian và chi phí khi tham gia giải quyết vụ kiện.

Thứ hai, trường hợp tranh chấp HĐDVPL do bên cung cấp dịch vụ không có chức năng kinh doanh DVPL theo quy định của pháp luật. Theo quy định của Luật luật sư năm 2006 sửa đổi, bổ sung năm 2012 thì chỉ có tổ chức hành nghề luật sư mới có đủ tiêu chuẩn, điều kiện được thực hiện DVPL. Thế nhưng, trong thực tế có một số trường hợp tổ chức, cá nhân không có chức năng kinh doanh DVPL nhưng vẫn ký HĐDVPL với doanh nghiệp để hưởng thù lao, dẫn đến tranh chấp. Khi xét xử, tòa án thường tuyên hủy HĐDVPL do vô hiệu vì bên cung cấp dịch vụ không có chức năng kinh doanh DVPL theo quy định của pháp luật.

Thứ ba, trường hợp tranh chấp HĐDVPL do bên cung cấp DVPL không thực hiện đúng tư cách khi tham gia tố tụng. Trong HĐDVPL, bên cung cấp DVPL thỏa

thuận với doanh nghiệp là tham gia tố tụng với tư cách là luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho doanh nghiệp. Nhưng thực tế, bên cung cấp DVPL lại tham gia với tư cách người đại diện theo ủy quyền vì không đủ tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề luật sư. Bên cạnh đó, nội dung thỏa thuận trong hợp đồng lại hứa sẽ bảo vệ thắng kiện cho doanh nghiệp, điều này cũng không phù hợp với quy định của pháp luật. Cuối cùng, tòa án cũng tuyên những hợp đồng trong trường hợp này là vô hiệu.

2.2.3. Những ưu điểm và hạn chế, bất cập về hợp đồng dịch vụ pháp lý giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp tại thành phố Hồ Chí Minh

- *Những ưu điểm về hợp đồng dịch vụ pháp lý giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp*

Xuất phát từ mối quan hệ, vị trí, vai trò của HĐDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp được trình bày và phân tích như những nội dung trên. Có thể thấy HĐDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp có những ưu điểm sau:

+ *Thứ nhất*, tổ chức hành nghề luật sư trực tiếp cung cấp DVPL cho doanh nghiệp bằng các hình thức khác nhau như tư vấn pháp luật, tham gia tố tụng, đại diện ngoài tố tụng và các hình thức khác. Việc cung cấp DVPL được thực hiện trên hầu hết các lĩnh vực pháp luật như: kinh doanh - thương mại, hình sự, dân sự, hành chính, lao động và các lĩnh vực pháp luật khác liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp. Qua đó, tổ chức hành nghề luật sư giúp doanh nghiệp hiểu biết pháp luật đầy đủ hơn, biết được các quyền, nghĩa vụ cũng như trực tiếp giúp doanh nghiệp bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp được pháp luật quy định. Đặc biệt, qua hoạt động cung cấp DVPL, doanh nghiệp còn biết lựa chọn các hành vi ứng xử phù hợp với quy định của pháp luật, tiếp cận và thực hiện pháp luật.

+ *Thứ hai*, qua thực tiễn cung cấp DVPL của tổ chức hành nghề luật sư, giúp cho doanh nghiệp tiếp cận hệ thống pháp luật cũng như tiếp cận công lý một cách bình đẳng, góp phần hỗ trợ thực thi pháp luật, bảo vệ pháp luật, xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, văn minh theo đúng chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; cũng như các tiêu chuẩn quốc tế về quyền tự do kinh doanh theo

các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Thúc đẩy hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp đúng pháp luật, có hiệu quả.

+ *Thứ ba*, thông qua hoạt động cung cấp DVPL, tổ chức hành nghề luật sư giúp cho doanh nghiệp có quyền lựa chọn các tổ chức hành nghề luật sư phù hợp yêu cầu của mình, đảm bảo tính bảo mật cao, xác định phạm vi thực hiện các dịch vụ tư vấn pháp lý.

Doanh nghiệp cũng có quyền lựa chọn tổ chức hành nghề luật sư cung cấp DVPL cho doanh nghiệp của mình với chất lượng tốt nhất với thù lao và chi phí hợp lý trong thời buổi cạnh tranh như hiện nay.

- *Những hạn chế và bất cập về hợp đồng dịch vụ pháp lý giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp*

Qua thực tiễn thực hiện HĐDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp tại thành phố Hồ Chí Minh có thể khẳng định Luật luật sư năm 2006 sửa đổi, bổ sung năm 2012 và những văn bản hướng dẫn thi hành đã thật sự đi vào cuộc sống và có hiệu quả tích cực trong việc cung cấp DVPL cho doanh nghiệp.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được thì trong quá trình thực hiện HĐDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp, tác giả nhận thấy còn một số hạn chế và bất cập như sau:

+ *Thứ nhất*, chưa có quy định pháp luật khái niệm dịch vụ pháp lý và hợp đồng dịch vụ pháp lý

Về mặt lý luận và thực tiễn, những quy định về DVPL và HĐDVPL được quy định ở rất nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác nhau. Ngoài những văn bản quy định chung như bộ luật dân sự, luật thương mại thì trong từng lĩnh vực cụ thể, việc ký kết và thực hiện hợp đồng còn chịu sự chi phối của các văn bản mang tính chuyên ngành dưới những hình thức khác. Nhưng không có văn bản quy phạm pháp luật nào quy định khái niệm và đặc điểm về DVPL và HĐDVPL dẫn đến tình trạng có nhiều cách hiểu và cách làm khác nhau.

Ở góc độ luật chuyên ngành, Luật luật sư năm 2006 sửa đổi, bổ sung năm 2012 chỉ liệt kê về DVPL; quy định về HĐDVPL chưa rõ ràng, còn mơ hồ và trừu

tượng dẫn đến tình trạng chưa có căn cứ chắc chắn để xác định phạm vi hành nghề của tổ chức hành nghề luật sư đối với từng phạm vi, từng loại hình dịch vụ cụ thể. Khi có tranh chấp liên quan đến thù lao và chi phí của luật sư thì lại được thực hiện theo pháp luật dân sự.

Do vậy, để bảo đảm tính thống nhất của pháp luật về DVPL và HĐDVPL cần phải quy định cụ thể và chi tiết trong pháp luật về luật sư. Các quy định có tính chất chung chỉ nên quy định trong bộ luật dân sự. Trong bộ luật này cần có những quy định chung có tính khái quát cao, thể hiện rõ quyền tự do hợp đồng để bảo đảm tính ổn định cao của bộ luật dân sự. Không nên đưa vào bộ luật dân sự các quy định về các loại hợp đồng chuyên biệt mà để cho các văn bản pháp luật chuyên ngành quy định. Nếu có đưa một loại hợp đồng nào đó vào trong bộ luật dân sự thì không nên quy định ở văn bản pháp luật khác nữa để tránh trùng lặp, chồng chéo.

Pháp luật Việt Nam chưa có định nghĩa về dịch vụ theo cách hiểu chung của WTO, theo đó mọi hoạt động hoặc sản phẩm được liệt kê vào, được mã hoá và mô tả trong Bảng phân loại các sản phẩm dịch vụ cơ bản của Liên Hợp quốc (Danh mục CPC) đã đề cập theo quy định của WTO thì được gọi là dịch vụ. Sự chấp nhận việc phân loại dịch vụ theo Danh mục CPC cũng có thể dẫn đến hàng loạt vấn đề cần bàn trong lý luận về kinh tế ngành, lao động, quản lý nhân lực,... ở nước ta.

Pháp luật Việt Nam cũng chưa có định nghĩa về thương mại dịch vụ theo định nghĩa trong Hiệp định GATS/WTO mà các nước thành viên WTO phải tuân theo và cũng chưa điều chỉnh đầy đủ các vấn đề cung ứng dịch vụ theo các phương thức cung ứng dịch vụ GATS/WTO.

+ *Thứ hai, hạn chế và bất cập về phạm vi hành nghề luật sư*

Như đã nêu chi tiết tại mục 2.1 thì phạm vi hành nghề của tổ chức hành nghề luật sư hầu như bao trùm hết toàn bộ những công việc trong hoạt động cung cấp DVPL. Tuy nhiên, hiện nay vẫn còn tồn tại và bất cập về phạm vi hành nghề của các tổ chức khác trùng lặp với phạm vi hành nghề của tổ chức hành nghề luật sư.

Cụ thể, theo khoản 4 Điều 3 Điều lệ Hội luật gia Việt Nam thì Hội luật gia Việt Nam có nhiệm vụ, quyền hạn sau: “*Tư vấn pháp luật...*”. Với quy định này, vô

hình trung lại có sự trùng lặp với DVPL và phạm vi hành nghề của tổ chức hành nghề luật sư theo luật luật sư. Hai tổ chức được điều chỉnh theo quy định pháp luật khác nhau nhưng lại cùng lĩnh vực ngành nghề.

Bên cạnh đó, mặc dù quy định về điều kiện thành lập Trung tâm tư vấn pháp luật theo Nghị định số 77/2008/NĐ-CP ngày 16/7/2008 của Chính phủ có khác với điều kiện thành lập tổ chức hành nghề luật sư theo Luật luật sư năm 2006 sửa đổi, bổ sung năm 2012. Nhưng tại Điều 7 Nghị định số 77/2008/NĐ-CP ngày 16/7/2008 của Chính phủ quy định: “1. *Trung tâm tư vấn pháp luật được thực hiện tư vấn pháp luật; được cử luật sư làm việc theo hợp đồng cho Trung tâm tham gia tố tụng để bào chữa, đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức yêu cầu tư vấn pháp luật đối với vụ việc mà Trung tâm thực hiện tư vấn pháp luật; được thực hiện trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý; 2. Trung tâm tư vấn pháp luật được nhận và thực hiện vụ việc trong tất cả các lĩnh vực pháp luật*”. Như vậy, phạm vi hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật dường như bao trùm hết toàn bộ phạm vi hành nghề của tổ chức hành nghề luật sư theo Luật luật sư năm 2006 sửa đổi, bổ sung năm 2012.

Theo Luật đầu tư năm 2014 quy định “*hành nghề luật sư*” là một trong những ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Quy định này có vẻ phù hợp với Luật luật sư năm 2006 sửa đổi, bổ sung năm 2012. Tuy nhiên, theo Luật doanh nghiệp năm 2014, doanh nghiệp muốn kinh doanh các loại hình dịch vụ như: *Giúp đỡ khách hàng thực hiện các công việc liên quan đến hành chính, dịch thuật,...* thì doanh nghiệp chỉ cần đăng ký kinh doanh tại Sở Kế hoạch và Đầu tư. Như vậy, doanh nghiệp được thành lập theo luật doanh nghiệp được hành nghề lại trùng lặp với phạm vi hành nghề của tổ chức hành nghề luật sư, vì những ngành, nghề này trùng lặp với “*dịch vụ pháp lý khác của luật sư*” theo khoản 1 Điều 30 Luật luật sư năm 2006 sửa đổi, bổ sung năm 2012.

+ *Thứ ba, hạn chế và bất cập về chủ thể cung cấp dịch vụ pháp lý*

Như đã nêu ở phần hạn chế và bất cập về phạm vi hành nghề luật sư, đồng thời cũng là hạn chế và bất cập về chủ thể cung cấp DVPL. Do vậy, những hạn chế

và bất cập quy định pháp luật về chủ thể đối với bên cung cấp DVPL vẫn còn nhiều vấn đề pháp lý cần phải được giải quyết.

Điều 2 Luật luật sư năm 2006 sửa đổi, bổ sung năm 2012 quy định: *“Luật sư là người có đủ tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề theo quy định của Luật này, thực hiện dịch vụ pháp lý theo yêu cầu của cá nhân, cơ quan, tổ chức (sau đây gọi chung là khách hàng)”*. Và Điều 4 Luật luật sư năm 2006 sửa đổi, bổ sung năm 2012 nêu rõ: *“Dịch vụ pháp lý của luật sư bao gồm tham gia tố tụng, tư vấn pháp luật, đại diện ngoài tố tụng cho khách hàng và các dịch vụ pháp lý khác”*.

Xuất phát từ hai Điều luật trên, cho thấy những người thực hiện DVPL cho khách hàng chỉ là những người hành nghề luật sư và phạm vi hành nghề của luật sư là rất rộng. Tuy nhiên, trong các văn bản quy phạm pháp luật khác, thì các chủ thể không phải là tổ chức hành nghề luật sư nhưng vẫn thực hiện DVPL cho khách hàng. Điều này dẫn đến sự hạn chế, bất cập đối với hoạt động hành nghề của tổ chức hành nghề luật sư, nên cần phải có quy định thống nhất và đồng bộ trong lĩnh vực này.

+ *Thứ tư, hạn chế và bất cập về giao kết hợp đồng dịch vụ pháp lý*

Thủ tục giao kết hợp đồng cũng phải được quy định hết sức cụ thể và minh bạch để các quan hệ hợp đồng, đặc biệt là các quan hệ hợp đồng phục vụ cho hoạt động kinh doanh của các chủ thể được thiết lập một cách nhanh chóng, đơn giản mà vẫn bảo đảm sự an toàn về mặt pháp lý. Muốn vậy, luật luật sư phải quy định chi tiết về các vấn đề sau: Các điều kiện đề nghị giao kết hợp đồng và chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng; trách nhiệm pháp lý của người đề nghị giao kết hợp đồng và thời điểm phát sinh trách nhiệm này; những trường hợp sửa đổi, bổ sung, rút lại hay chấm dứt đề nghị giao kết hợp đồng và chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng.

Thêm vào đó, luật luật sư cũng cần quy định rõ về người có thẩm quyền ký kết hợp đồng. Vấn đề đại diện và ủy quyền để thiết lập và thực hiện các giao dịch tuy đã được quy định nhưng cần được cụ thể hóa trong phần quy định về hợp đồng. Bởi đây là vấn đề hết sức phức tạp trong thực tế ký kết hợp đồng. Việc ủy quyền và ủy quyền lại phải được áp dụng rộng rãi trong việc giao kết và thực hiện hợp đồng mà

không phụ thuộc vào hợp đồng đó được ký kết bằng phương thức trực tiếp hay gián tiếp; hợp đồng đó có phải đăng ký hoặc chứng nhận của công chứng hay không.

+ *Thứ năm, hạn chế và bất cập về hình thức hợp đồng dịch vụ pháp lý*

Giao kết HĐDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp không những thực hiện theo các nguyên tắc của luật chuyên ngành mà còn đảm bảo các nguyên tắc tự do, tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác, trung thực và ngay thẳng của bộ luật dân sự và luật thương mại. Xuất phát từ những nguyên tắc này nên hình thức hợp đồng cũng phải đa dạng dựa trên cơ sở thỏa thuận các bên theo quy định của bộ luật dân sự và luật thương mại.

Tuy nhiên, tại khoản 2, Điều 26 Luật luật sư năm 2006 sửa đổi, bổ sung năm 2012 quy định về hình thức HĐDVPL như sau: *“Hợp đồng dịch vụ pháp lý phải được làm thành văn bản...”*. Trong khi đó, theo khoản 1 Điều 5 Thông tư số 17/2011/TT-BTP ngày 14/10/2011 của Bộ tư pháp quy định: *“Luật sư thực hiện dịch vụ pháp lý theo hợp đồng dịch vụ pháp lý hoặc theo phiếu thỏa thuận thực hiện dịch vụ pháp lý...”*. Điều này cho thấy có sự mâu thuẫn và không nhất quán giữa cùng một hệ thống văn bản pháp luật.

Do vậy, luật luật sư cần quy định rõ thế nào là văn bản hợp đồng theo hướng thừa nhận các thông tin được các bên gửi cho nhau qua đường điện tín (telex, fax) và các hình thức thông tin kỹ thuật số (thư điện tử và các hình thức thông tin điện tử khác) là văn bản hợp đồng, mặt khác hạn chế quy định cứng nhắc những loại hợp đồng bắt buộc phải ký kết dưới hình thức văn bản mà nên đề cao quyền tự thỏa thuận của các bên để lựa chọn hình thức hợp đồng phù hợp.

+ *Thứ sáu, hạn chế và bất cập về tranh chấp hợp đồng dịch vụ pháp lý*

Xuất phát từ những hạn chế và bất cập trên, nên trong thực tiễn xét xử Tòa án nhân dân các cấp cũng có những quyết định khác nhau khi tuyên bố HĐDVPL vô hiệu.

Trong một số văn bản quy phạm pháp luật khác chưa có sự thống nhất, còn có sự chòng chéo dẫn đến tình trạng có nhiều tổ chức không phải là tổ chức hành nghề luật sư, không có chức năng cũng tham gia cung cấp DVPL dẫn đến có sự

nhằm lẫn cho doanh nghiệp. Do vậy, khi hai bên giao kết hợp đồng nếu có phát sinh tranh chấp thì thiệt hại luôn là ở phía doanh nghiệp.

Mặc dù DVPL và phạm vi hành nghề của tổ chức hành nghề luật sư đã được quy định trong Luật luật sư năm 2006 sửa đổi, bổ sung năm 2012. Tuy nhiên, trong các văn bản quy phạm pháp luật khác và trong thực tế vẫn có tổ chức không phải là tổ chức hành nghề luật sư vẫn có thể thực hiện những công việc này, cụ thể: bộ luật dân sự, bộ luật tố tụng dân sự, bộ luật tố tụng hình sự, luật tố tụng hành chính. Khi tham gia tố tụng, cá nhân, tổ chức tham gia với tư cách là người bào chữa cho bị can, bị cáo; người bảo vệ quyền và lợi ích cho đương sự; người đại diện theo ủy quyền.

Thực tế đã và đang có hiện tượng các công ty trách nhiệm hữu hạn, doanh nghiệp tư nhân, trung tâm dịch vụ, văn phòng dịch vụ... đua nhau mở dịch vụ tư vấn pháp luật, thậm chí còn nhận thực hiện cả các dịch vụ thủ tục pháp lý, tranh tụng,...làm cho doanh nghiệp có sự nhầm lẫn. Công ty trách nhiệm hữu hạn, doanh nghiệp tư nhân, trung tâm dịch vụ, văn phòng dịch vụ chỉ được tham gia các dịch vụ hành chính như: đánh máy, soạn thảo văn bản, dịch thuật, hướng dẫn các thủ tục liên quan đến hành chính chứ không được phép tham gia tư vấn pháp luật, cũng như tham gia tố tụng tại tòa án như tổ chức hành nghề luật sư.

Kết luận Chương 2

Thực trạng quy định pháp luật và thực hiện pháp luật về HDDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp là một trong những vấn đề trọng tâm của luận văn này.

Do vậy, trong Chương 2, tác giả đã thống kê, phân tích và đánh giá thực trạng quy định pháp luật và thực hiện pháp luật về HDDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp, thực trạng từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh theo Bộ luật dân sự năm 2005, Bộ luật dân sự năm 2015, Luật thương mại năm 2005 và Luật luật sư năm 2006 sửa đổi, bổ sung năm 2012.

Qua đó, tác giả đã nêu lên thực trạng quy định pháp luật và thực hiện pháp luật về một số nội dung như: Chủ thể, nguyên tắc, hình thức, nội dung, thực hiện, hiệu lực, chấm dứt HDDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp.

Đồng thời, tác giả cũng nêu được những kết quả đạt được trong quá trình thực hiện HDDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp, làm nổi bật những ưu điểm về HDDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp; đưa ra những hạn chế và bất cập về HDDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp.

Từ thực trạng quy định pháp luật và thực hiện pháp luật về HDDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp, thực trạng từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh làm cơ sở đưa ra những phương hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật về HDDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp tại thành phố Hồ Chí Minh nói riêng và ở Việt Nam nói chung.

Chương 3

NHU CẦU, PHƯƠNG HƯỚNG VÀ CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ PHÁP LÝ GIỮA TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ VÀ DOANH NGHIỆP TỪ THỰC TIỄN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Trong thời gian qua, việc ký kết HĐDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp đã tác động tích cực giữa các bên. Thông qua HĐDVPL, tổ chức hành nghề luật sư đã giúp cho doanh nghiệp an tâm hơn về pháp lý, thúc đẩy mọi hoạt động sản xuất và kinh doanh đạt hiệu quả. Ngược lại, cũng thông qua HĐDVPL, doanh nghiệp đã giúp cho tổ chức hành nghề luật sư tiếp cận với thực tiễn khi giải quyết những vấn đề pháp lý cho doanh nghiệp. Tuy nhiên, tác giả nhận thấy cần phải tiếp tục hoàn thiện pháp luật về HĐDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp.

3.1. Nhu cầu hoàn thiện pháp luật về hợp đồng dịch vụ pháp lý giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh

Nhằm tiếp tục phát huy những kết quả đạt được, đồng thời triển khai các phương hướng, giải pháp đổi mới để khắc phục những tồn tại, hạn chế và bất cập để hoạt động cung cấp DVPL của tổ chức hành nghề luật sư phát triển ổn định và bền vững. Trong thời gian tới, công tác xây dựng và hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực này có ý nghĩa rất quan trọng.

Do đó, để hoàn thiện pháp luật về HĐDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp cần giải quyết những nhu cầu sau đây:

- *Thứ nhất, nhu cầu thể chế hóa quan điểm, đường lối chỉ đạo của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về xã hội hóa hoạt động hỗ trợ tư pháp*

Với tinh thần thực hiện việc thể chế hóa các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về xã hội hóa hoạt động hỗ trợ tư pháp theo bước đi và lộ trình phù hợp, phát huy vai trò của tổ chức hành nghề luật sư trong đời sống xã hội nói chung, đời sống pháp lý của doanh nghiệp nói riêng, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính, cải cách tư pháp đã được xác định tại Nghị

quyết số 48-NQ/TW và Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp.

- *Thứ hai, do quy định pháp luật không khái niệm về dịch vụ pháp lý và hợp đồng dịch vụ pháp lý*

Do pháp luật không quy định, quy định không rõ ràng về các khái niệm như đã nêu tại Chương 1, nên dẫn đến trình trạng hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật còn có sự chồng chéo, không thống nhất làm cho hoạt động tư vấn pháp luật nói riêng, trong lĩnh vực cung cấp DVPL nói chung giữa các tổ chức cung cấp DVPL thiếu tính minh bạch, có sự trùng lặp, cạnh tranh không lành mạnh với nhau.

- *Thứ ba, nhu cầu hoàn thiện nội dung hợp đồng dịch vụ pháp lý*

Xuất phát từ những hạn chế và bất cập về HĐDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp như đã trình bày và phân tích tại Chương 2, nhằm tạo cơ sở pháp lý, có sự thống nhất, đồng bộ, không trùng lặp nên cần hoàn thiện pháp luật về HĐDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp theo luật luật sư hiện hành như: Chủ thể bên cung cấp DVPL; phạm vi hành nghề, nội dung dịch vụ; thời hạn thực hiện hợp đồng; quyền và nghĩa vụ của các bên; phương thức tính và mức thù lao, các khoản chi phí; phạt hợp đồng; trách nhiệm do vi phạm hợp đồng; phương thức giải quyết tranh chấp;....

- *Thứ tư, nguyên tắc tự thỏa thuận giao kết hợp đồng dịch vụ pháp lý*

Luật luật sư hiện hành không nên quy định cứng nhắc về những hoạt động hành nghề của tổ chức hành nghề luật sư như hiện nay, mà nên dành quyền thỏa thuận cho các bên chủ thể tham gia quan hệ hợp đồng.

Pháp luật về hợp đồng đã được hoàn thiện theo hướng tôn trọng sự thỏa thuận của các bên nếu thỏa thuận đó không trái với đạo đức xã hội, không xâm phạm trật tự công cộng, phù hợp với tập quán, thông lệ thương mại quốc tế. Nhằm thúc đẩy sự hình thành và phát triển của quan hệ hợp đồng thông qua việc ghi nhận nguyên tắc tự do hợp đồng, hạn chế sự can thiệp của các cơ quan công quyền vào quan hệ hợp đồng.

- *Thứ năm, nhu cầu hoàn thiện pháp luật về chủ thể cung cấp dịch vụ pháp lý*

Quy định pháp luật thống nhất DVPL là phạm vi hành nghề của tổ chức hành nghề luật sư theo luật luật sư. Do vậy, tất cả những người thực hiện trợ giúp pháp lý, tư vấn pháp luật tại các trung tâm tư vấn pháp luật của Nhà nước, của hội luật gia, của các tổ chức, đoàn thể khác phải do tổ chức hành nghề luật sư đảm nhận. Khi cá nhân, doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng DVPL phải được ký kết thông qua HĐDVPL với tổ chức hành nghề luật sư.

- *Thứ sáu, nhu cầu hoàn thiện pháp luật về hợp đồng dịch vụ pháp lý theo hướng phù hợp luật pháp quốc tế*

Quy định pháp luật cần phải xác định hoạt động hành nghề của tổ chức hành nghề luật sư là hoạt động thị trường dịch vụ pháp lý và có tính chất thương mại.

Hoàn thiện pháp luật HĐDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp không những thống nhất và đồng bộ hệ thống pháp luật trong nước, mà còn phù hợp với pháp luật quốc tế trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế như hiện nay.

3.2. Phương hướng hoàn thiện pháp luật về hợp đồng dịch vụ pháp lý giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh

Một trong những mục tiêu quan trọng của công cuộc cải cách pháp luật ở Việt Nam được xác định tại Nghị quyết số 48 của Bộ chính trị về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 là: “*Xây dựng hệ thống pháp luật đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch*”. Nhằm thực hiện được những mục tiêu này thì một trong những giải pháp đặt ra là pháp điển hóa hệ thống quy phạm pháp luật.

Trong thời gian qua, Việt Nam đã hội nhập sâu, rộng với nền kinh tế thế giới, trở thành thành viên chính thức của các tổ chức quốc tế, trong đó có WTO. Theo cam kết của WTO, Việt Nam đã ký kết nhiều thỏa thuận về mở cửa và phát triển thị trường, bao gồm cả thị trường DVPL. Song, trong thực tế, pháp luật Việt Nam vẫn còn nhiều quy định còn hạn chế và bất cập nên cần phải tiếp tục cải cách, tiếp tục hoàn thiện để thống nhất và phù hợp với thông lệ quốc tế.

Từ cơ sở đó, để hoàn thiện pháp luật về HĐDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp, chúng ta cần phải thực hiện những phương hướng sau:

- *Thứ nhất, hoàn thiện pháp luật về hợp đồng dịch vụ pháp lý giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp phải dựa trên quan điểm, đường lối chỉ đạo của Đảng, pháp luật của Nhà nước*

Hoàn thiện pháp luật về HĐDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp phải dựa trên quan điểm, đường lối chỉ đạo của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phát triển tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp trong tương lai. Giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp phải được phát triển song song và cùng đồng hành với nhau, nhằm tạo cho môi trường kinh doanh lành mạnh, thực hiện pháp luật đồng bộ và thống nhất.

Để thực hiện điều đó, cần khẳng định vị trí, vai trò của tổ chức hành nghề luật sư trong xã hội. Cần xây dựng trên nguyên tắc tổ chức hành nghề luật sư là hoạt động chuyên nghiệp, tự do, là chỗ dựa pháp lý và luôn gắn liền với đời sống xã hội nói chung, hoạt động sản xuất và kinh doanh của doanh nghiệp nói riêng.

- *Thứ hai, hoàn thiện pháp luật về hợp đồng dịch vụ pháp lý giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp phải dựa trên quan điểm hoàn thiện hệ thống pháp luật nói chung, pháp luật về hợp đồng dịch vụ pháp lý nói riêng*

Hoàn thiện pháp luật về HĐDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp phải dựa trên quan điểm hoàn thiện hệ thống pháp luật nói chung, pháp luật về HĐDVPL nói riêng.

Xây dựng và hoàn thiện hành lang pháp lý cho các chủ thể tham gia DVPL, nhằm đảm bảo tính minh bạch, đồng bộ, thống nhất với nhau. Sự phù hợp các quy định pháp luật về luật sư về DVPL với pháp luật về dân sự, pháp luật về thương mại, pháp luật về tố tụng và hệ thống pháp luật cả nước nói chung.

Mặc dù pháp luật về luật sư có quy định về phạm vi hành nghề của tổ chức hành nghề luật sư. Cụ thể là Luật luật sư năm 2006 sửa đổi, bổ sung năm 2012 có những quy định tương đối đầy đủ, có nhiều điểm tiến bộ theo hướng mở cửa cho thị trường DVPL, đáp ứng yêu cầu về hội nhập quốc tế liên quan đến hoạt động cung

cấp DVPL. Nhưng Luật luật sư năm 2006 sửa đổi, bổ sung năm 2012 quy định không rõ ràng, mang tính chất chung chung, thiếu minh bạch. Do đó, chúng ta cần phải nghiên cứu, rà soát, sửa đổi và bổ sung để hoàn thiện quy định pháp luật về HĐDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp sao cho cụ thể hơn.

- Thứ ba, hoàn thiện pháp luật luật sư về các quy định có liên quan đến nội dung hợp đồng dịch vụ pháp lý giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp

Hoàn thiện pháp luật về luật sư về các quy định có liên quan đến nội dung HĐDVPL một cách cụ thể như: Khái niệm và nêu đặc điểm về DVPL và HĐDVPL; quy định về giao kết hợp đồng, phạt hợp đồng, trách nhiệm do các bên vi phạm hợp đồng,... Cần có những quy định chung và thể hiện rõ từng nội dung của luật chuyên ngành. Không nên quy định rải rác ở các văn bản quy phạm pháp luật khác. Nếu đã quy định trong luật luật sư thì không nên quy định ở văn bản pháp luật khác để tránh trùng lặp, chồng chéo với nhau.

Tôn trọng nguyên tắc tự do giao kết hợp đồng, tự nguyện, sự thỏa thuận giữa các bên chủ thể tham gia hợp đồng.

Để hoàn thiện pháp luật về HĐDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp, Nhà nước phải tạo môi trường pháp lý lành mạnh nhằm giải quyết những vấn đề còn chồng chéo, bất cập như hiện nay.

- Thứ tư, hoàn thiện pháp luật về hợp đồng dịch vụ pháp lý giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp cần phải xác định hoạt động hành nghề của tổ chức hành nghề luật sư là hoạt động thị trường dịch vụ pháp lý, có tính chất thương mại và phù hợp với pháp luật quốc tế

Hoàn thiện pháp luật về HĐDVPL cần phải xác định hoạt động hành nghề của tổ chức hành nghề luật sư là hoạt động thị trường dịch vụ pháp lý và có tính chất thương mại.

Theo hướng hoàn thiện này, không những thống nhất và đồng bộ trong hệ thống pháp luật Việt Nam, mà còn phù hợp với các quy định của WTO và luật pháp của các nước trên thế giới trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế như hiện nay.

3.3. Các giải pháp hoàn thiện quy định pháp luật và nâng cao hiệu quả hợp đồng dịch vụ pháp lý giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh

3.3.1. Các giải pháp hoàn thiện quy định pháp luật về hợp đồng dịch vụ pháp lý giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh

Nhằm thực hiện theo mục tiêu chung là hoàn thiện pháp luật về hợp đồng theo hướng tôn trọng thoả thuận của các bên giao kết hợp đồng, không trái với đạo đức xã hội, không xâm phạm trật tự công cộng, phù hợp với tập quán, thông lệ thương mại quốc tế. Do vậy, tác giả nêu lên những giải pháp nhằm kiến nghị hoàn thiện quy định pháp luật về HDDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp như sau:

- Thứ nhất, xây dựng luật hợp đồng chung

Bên cạnh hoàn thiện HDDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp theo quy định pháp luật luật sư hiện hành. Trong thời gian tới, Nhà nước cần phải xây dựng luật hợp đồng chung trong đó có quy định về HDDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp. Vì quan hệ HDDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp có những điểm chung của quan hệ hợp đồng.

Quan hệ hợp đồng là một quan hệ đặc thù và rộng lớn, nên nó phải được điều chỉnh trong một đạo luật riêng biệt, bởi một người dân, doanh nghiệp bình thường không thể làm thay công việc của nhà làm luật khi chỉ ra rằng hợp đồng này thuộc về dân sự, hợp đồng kia thuộc về thương mại,...

Nhà nước cần một hành lang pháp lý để các chủ thể có thể ứng xử đúng theo pháp luật nên việc pháp điển hóa hệ thống pháp luật là nền tảng xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam. Pháp luật hợp đồng cần được thống nhất chung cũng không thể nằm ngoài yêu cầu chung đó. Pháp luật hợp đồng ngày càng được thống nhất sẽ tạo mọi điều kiện cho các chủ thể xử sự với nhau ngày càng phù hợp hơn, các thỏa thuận được các bên tôn trọng và thực hiện ngày càng tốt hơn, tranh chấp sẽ bớt đi trên cơ sở các quy định của pháp luật hợp đồng.

- *Thứ hai, hoàn thiện quy định pháp luật luật sư về khái niệm dịch vụ pháp lý*

Hệ thống pháp luật Việt Nam nói chung, pháp luật về luật sư nói riêng hiện nay không có quy định nào khái niệm và giải thích rõ về cụm từ “DVPL”, nên dẫn đến tình trạng có nhiều tổ chức không phải là tổ chức hành nghề luật sư vẫn thực hiện DVPL cho doanh nghiệp.

Do vậy, để thị trường cung cấp DVPL đi vào nề nếp, ổn định, minh bạch Nhà nước cần phải quy định rõ ràng, thống nhất và đồng bộ trong hệ thống pháp luật nói chung, pháp luật về luật sư nói riêng về khái niệm DVPL.

Đồng thời, quy định khái niệm về DVPL phải phù hợp với pháp luật quốc tế, cụ thể là quy định của WTO. Tạo sự thống nhất quy định pháp luật về DVPL theo luật quốc gia và luật pháp quốc tế.

- *Thứ ba, kiến nghị sửa đổi, bổ sung về hình thức hợp đồng dịch vụ pháp lý*

Trong thời gian Nhà nước chưa thể xây dựng luật hợp đồng chung, tác giả kiến nghị sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 26 Luật luật sư năm 2006 sửa đổi, bổ sung năm 2012 và khoản 1 Điều 5 Thông tư số 17/2011/TT-BTP ngày 14/10/2011 của Bộ tư pháp theo hướng thống nhất như sau:

“Hình thức hợp đồng dịch vụ pháp lý là do các bên tự thỏa thuận và được làm thành văn bản hoặc thể hiện bằng lời nói hoặc hành vi cụ thể...”.

- *Thứ tư, hoàn thiện quy định pháp luật về một số nội dung liên quan đến hợp đồng dịch vụ pháp lý*

+ *Một là, kiến nghị bỏ quy định về mức trần thù lao của tổ chức hành nghề luật sư trong vụ án hình sự*

Bỏ quy định về mức trần trong vụ án hình sự, nên khoản 1 Điều 56 Luật luật sư năm 2006 sửa đổi, bổ sung năm 2012 được giữ lại nội dung theo hướng như sau: *“Mức thù lao được thỏa thuận trong hợp đồng dịch vụ pháp lý”*. Bỏ nội dung: *“Đối với vụ án hình sự mà luật sư tham gia tố tụng thì mức thù lao không được vượt quá mức trần thù lao do Chính phủ quy định”*.

Bỏ nội dung: *“...nhưng mức cao nhất cho 01 giờ làm việc của luật sư không được vượt quá 0,3 lần mức lương cơ sở do Chính phủ quy định”* theo khoản 1 Điều

18 Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật luật sư. Giữ lại nội dung sau: *“Mức thù lao luật sư tham gia tố tụng trong vụ án hình sự do khách hàng và văn phòng luật sư, công ty luật thỏa thuận trong hợp đồng dịch vụ pháp lý dựa trên các căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 55 của Luật luật sư và được tính theo giờ hoặc tính trọn gói theo vụ việc. Thời gian làm việc của luật sư do luật sư và khách hàng thỏa thuận”*.

Nguyên nhân kiến nghị bỏ mức trần về thù lao của luật sư trong vụ án hình sự xuất phát từ quan hệ hợp đồng là thể hiện ý chí tự nguyện, thỏa thuận của các bên. Điều này hoàn toàn phù hợp với bộ luật dân sự, luật thương mại hiện hành và định hướng theo luật hợp đồng chung trong tương lai, đồng thời DVPL có tính chất thương mại phù hợp với thông lệ quốc tế.

+ *Hai là, trách nhiệm do vi phạm hợp đồng dịch vụ pháp lý*

Như đã trình bày ở trên, một trong những tồn tại của pháp luật hợp đồng Việt Nam là, tuy Bộ luật dân sự năm 2015 được coi như một “bộ luật gốc” điều chỉnh những quan hệ cơ bản và thiết lập những quy tắc chung nhất và các luật chuyên ngành khác phải được xây dựng trên nền tảng đó, nhưng giữa Bộ luật dân sự năm 2015 và Luật thương mại năm 2005 vẫn còn nhiều điểm chưa tương đồng. Vì vậy, cần có sự sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật chuyên ngành có quy định về hợp đồng theo đúng hướng mà bộ luật dân sự đã xây dựng.

Mặc dù theo nguyên tắc chung là khi có sự khác biệt giữa luật chuyên ngành và luật chung thì sẽ ưu tiên áp dụng luật chuyên ngành, nhưng cần nhớ rằng, các quy định của luật chuyên ngành có nhiệm vụ quy định rõ hơn về một vấn đề chứ không thể có cách tiếp cận trái ngược so với luật chung và phải tuân theo những nguyên tắc ban đầu cũng như tinh thần mà luật chung đã đưa ra.

+ *Ba là, phương thức giải quyết tranh chấp hợp đồng dịch vụ pháp lý*

Luật luật sư năm 2006 sửa đổi, bổ sung năm 2012 không quy định về phương thức giải quyết tranh chấp HĐDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp. Tuy nhiên, khi hai bên có phát sinh tranh chấp thì được giải quyết theo quy

định của pháp luật về dân sự (khoản 1 Điều 59 Luật luật sư năm 2006 sửa đổi, bổ sung năm 2012).

Mặc dù pháp luật không quy định nhưng trong thực tế nếu có phát sinh tranh chấp HĐDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp, doanh nghiệp có khiếu nại thì Đoàn luật sư nơi quản lý tổ chức hành nghề luật sư là tổ chức hòa giải. Điều này, đôi khi không được minh bạch, dẫn đến ảnh hưởng đến quyền lợi của các bên.

Khi xảy ra tranh chấp HĐDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp, các bên có thể giải quyết tranh chấp thông qua việc trực tiếp thương lượng với nhau. Trong trường hợp không thương lượng được, việc giải quyết tranh chấp có thể được thực hiện với sự trợ giúp của bên thứ ba thông qua phương thức hòa giải, tòa án.

- *Thứ năm, hoàn thiện pháp luật về điều kiện, phạm vi hành nghề luật sư*

Cần bổ sung thêm vào Điều 22 Luật luật sư năm 2006 sửa đổi, bổ sung năm 2012 theo hướng liệt kê và quy định chi tiết phạm vi hành nghề của tổ chức hành nghề luật sư. Đồng thời, hoàn thiện hệ thống pháp luật bằng việc sửa đổi những bộ luật, luật liên quan nhằm chấn chỉnh lại hoạt động cung cấp DVPL theo hướng chỉ có tổ chức hành nghề luật sư mới có chức năng cung cấp DVPL.

Theo đó, cần phải sửa đổi bộ luật dân sự, bộ luật tố tụng hình sự, bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật trợ giúp pháp lý, điều lệ Hội luật gia Việt Nam theo hướng chỉ có tổ chức hành nghề luật sư đáp ứng được những tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề luật sư mới được thực hiện những công việc với tư cách sau:

- + Người đại diện theo ủy quyền theo bộ luật dân sự;
- + Người tham gia tố tụng với tư cách luật sư bào chữa cho người bị buộc tội, bị can, bị cáo; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự; người đại diện theo ủy quyền theo bộ luật tố tụng hình sự;
- + Người tham gia tố tụng với tư cách là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; người đại diện theo ủy quyền theo bộ luật tố tụng dân sự;

- + Người tham gia tố tụng với tư cách là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; người đại diện theo ủy quyền theo luật tố tụng hành chính;
- + Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người tham gia thủ tục phá sản theo luật phá sản.
- + Trong lĩnh vực tư vấn pháp luật, đại diện ngoài tố tụng cho khách hàng, các dịch vụ pháp lý khác của luật sư thì Nhà nước cần phải thống nhất và quy định chi tiết trong danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo luật đầu tư.

- *Thứ sáu, thông qua Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa*

Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa đã qua nhiều lần dự thảo, tuy nhiên cho đến nay vẫn chưa được Quốc hội thông qua. Do vậy, Quốc hội cần sớm thông qua Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trong thời gian tới, vì Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa không những cụ thể hóa đường lối, chủ trương của Đảng và quy định pháp luật của Nhà nước, thực hiện theo Hiến pháp năm 2013 mà còn nâng cao vị trí, vai trò của tổ chức hành nghề luật sư trong xã hội trong việc hỗ trợ pháp lý nhằm thúc đẩy hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp có hiệu quả.

- *Thứ bảy, Việt Nam cần xây dựng lộ trình hội nhập quốc tế hợp lý*

Cụ thể là trong khuôn khổ WTO cho lĩnh vực dịch vụ. Cần đẩy mạnh quá trình điều chỉnh pháp luật cho phù hợp luật lệ của WTO, nhằm thúc đẩy cạnh tranh lành mạnh thị trường DVPL. Điều này đòi hỏi các cơ quan chức năng tiếp tục rà soát các văn bản quy phạm pháp luật nhằm loại bỏ những văn bản quy phạm pháp luật đã lỗi thời, đồng thời sửa đổi, bổ sung và ban hành những văn bản quy phạm pháp luật mới. Nghiên cứu một số đạo luật chuyên ngành theo hướng tiếp cận với cách hiểu theo quy định của WTO.

3.3.2. Các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng quy định pháp luật về hợp đồng dịch vụ pháp lý giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh

Hoạt động áp dụng quy định pháp luật nói chung, hoạt động áp dụng quy định pháp luật về HĐDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp nói riêng luôn chịu sự chi phối, ảnh hưởng của nhiều nhân tố, bao gồm cả nhân tố chủ

quan và nhân tố khách quan. Chính vì vậy, bên cạnh việc triển khai các giải pháp hoàn thiện quy định pháp luật về HĐDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp, cũng cần có các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng quy định pháp luật về HĐDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp.

Từ cơ sở đó, nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng quy định pháp luật về HĐDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp, chúng ta cần phải thực hiện các giải pháp sau đây:

- *Thứ nhất, tăng cường giáo dục pháp luật, bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước và toàn xã hội*

Hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư có vai trò tích cực trong việc nâng cao kiến thức pháp luật cho người dân, góp phần quan trọng trong việc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người dân, góp phần tạo lập môi trường pháp lý thuận lợi và tin cậy cho các doanh nghiệp trong hoạt động đầu tư, kinh doanh - thương mại. Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động, nhiều tổ chức hành nghề luật sư đã gặp những trở ngại, cản trở từ các cơ quan nhà nước, tổ chức và cá nhân. Do vậy, Nhà nước phải tăng cường giáo dục pháp luật, bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước có thẩm quyền áp dụng pháp luật, đồng thời đóng vai trò chủ đạo trong việc quán triệt tư tưởng trong toàn xã hội, khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư.

Chính quyền thành phố Hồ Chí Minh cần xây dựng kế hoạch, chương trình hành động để triển khai thi hành Luật luật sư năm 2006 sửa đổi, bổ sung năm 2012 một cách triệt để. Sở tư pháp đóng vai trò tích cực trong công tác tổ chức tuyên truyền, phổ biến trong toàn xã hội về vị trí, vai trò của tổ chức hành nghề luật sư nói chung, trong cộng đồng doanh nghiệp nói riêng.

- *Thứ hai, Nhà nước tập trung công tác đào tạo, bồi dưỡng luật pháp quốc tế và ngoại ngữ cho luật sư*

Nhà nước tập trung công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ luật sư trước những thách thức của hội nhập quốc tế và toàn cầu hóa như hiện nay. Nghề luật sư là nghề không đơn nhất, bao gồm nhiều lĩnh vực với nhiều nhóm hành nghề khác

nhau, ở các cấp độ khác nhau. Do đó, đào tạo luật sư không chỉ là theo những tiêu chuẩn luật sư mà cần phải có các tiêu chí và nhiều cấp độ khác nhau, ví dụ luật sư tư vấn cho doanh nghiệp khác luật sư cung cấp DVPL về hôn nhân gia đình và dân sự, luật sư cung cấp DVPL cho các dự án đầu tư nước ngoài khác với luật sư về sở hữu trí tuệ,...

Hội nhập quốc tế và toàn cầu hóa đã dẫn tới việc thực hiện áp dụng pháp luật không chỉ ở trong lãnh thổ một quốc gia, với nhiều thông lệ quốc tế mới có sự đan xen của nhiều hệ thống pháp luật của các nước khác nhau đã đặt ra yêu cầu cho việc cung cấp DVPL cần có những thay đổi để tương thích với những biến chuyển mới của quốc tế.

- *Thứ ba, luật sư trong tổ chức hành nghề luật sư phải ý thức tự bồi dưỡng nghiệp vụ cho mình*

Để có thể phát triển và nâng cao chất lượng cho tổ chức hành nghề luật sư có khả năng hội nhập quốc tế thì một trong các yếu tố quan trọng, quyết định là mỗi luật sư phải biết tự bồi dưỡng nghiệp vụ cho mình, tạo cho mình có một thương hiệu riêng. Khuyến khích các luật sư có kinh nghiệm đi học về quản trị phát triển tổ chức hành nghề luật sư để có thể luôn thích ứng với môi trường cạnh tranh toàn cầu.

Kết luận Chương 3

Nội dung chính trong Chương 3 là nêu những quan điểm về nhu cầu, phương hướng và các giải pháp hoàn thiện pháp luật về HĐDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh.

Nhằm làm rõ những nội dung cơ bản trong Chương này, tác giả đã nêu những vấn đề cụ thể sau:

1. Nêu và phân tích nhu cầu hoàn thiện pháp luật về HĐDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh dựa trên những quan điểm, đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước về cải cách tư pháp, hoàn thiện pháp luật về luật sư, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

2. Nêu và phân tích những phương hướng hoàn thiện pháp luật về HĐDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh.

3. Nêu và phân tích những giải pháp hoàn thiện quy định pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng HĐDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh.

KẾT LUẬN

Trong những năm qua Đảng và Nhà nước ta tiếp tục tiến trình cải cách tư pháp theo tinh thần đổi mới kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội theo xu hướng hội nhập quốc tế. Thúc đẩy nền kinh tế phát triển, cơ bản đến năm 2020, Việt Nam trở thành nước công nghiệp hiện đại trong khu vực và thế giới.

Nhà nước ta cụ thể hóa đường lối chính sách của Đảng bằng những quy định pháp luật nhằm đảm bảo quyền tự do kinh doanh cho mọi người, trong đó có doanh nghiệp.

Để đảm bảo hoạt động kinh doanh có hiệu quả, đúng pháp luật, nhu cầu sử dụng DVPL của tổ chức hành nghề luật sư đối với doanh nghiệp hiện nay là rất cần thiết. Tuy nhiên, trong thực tiễn, bên cung cấp DVPL và bên sử dụng DVPL vẫn còn nhiều hạn chế; việc ký kết HĐDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp còn nhiều bất cập. Trong công tác tổ chức, tuyên truyền sử dụng DVPL đối với doanh nghiệp từ Nhà nước còn thiếu thống nhất và tập trung, mang tính hình thức; vai trò của các hiệp hội hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp còn mờ nhạt; năng lực tổ chức và hoạt động của các tổ chức hành nghề luật sư không đồng đều, chưa đáp ứng được nhu cầu thực tiễn cùng với công cuộc cải cách tư pháp và hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay.

Bên cạnh đó, có nhiều văn bản quy phạm pháp luật quy định về HĐDV nhưng không có một văn bản quy phạm pháp luật nào quy định cụ thể về HĐDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp. Không có một phương thức hỗ trợ pháp lý hữu hiệu và thực tiễn nào cho doanh nghiệp bằng việc doanh nghiệp sử dụng DVPL từ các tổ chức hành nghề luật sư.

Xuất phát từ những quan điểm trên, với đề tài nghiên cứu: ***“Hợp đồng dịch vụ pháp lý giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh”***, tác giả đã làm sáng tỏ những nội dung sau:

Thứ nhất, những vấn đề lý luận về HĐDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp. Trong đó, tác giả đã nêu và phân tích những khái niệm, đặc điểm về tổ chức hành nghề luật sư, doanh nghiệp, hợp đồng, DVPL, HĐDVPL, các yếu

tổ cấu thành HĐDVPL và mối quan hệ HĐDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp. Từ cơ sở đó, luận văn đã giúp cho người đọc nắm bắt được những vấn đề cơ bản nhất về HĐDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp.

Thứ hai, trình bày và phân tích thực trạng quy định pháp luật và thực hiện pháp luật về HĐDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp tại thành phố Hồ Chí Minh. Tác giả thống kê và nêu những nguyên nhân tồn tại, những hạn chế, bất cập về quy định pháp luật và thực hiện pháp luật về những vấn đề này.

Thứ ba, từ những thực trạng đó, tác giả đưa ra các phương hướng, giải pháp, kiến nghị để hoàn thiện pháp luật về HĐDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh nói riêng, ở Việt Nam nói chung.

Qua lý luận và thực tiễn hành nghề luật sư, tác giả đã nêu, đúc kết và đánh giá được thực trạng HĐDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh, giúp cho người đọc nhận diện được hoạt động dịch vụ pháp lý và những nét đặc thù của loại hợp đồng này. Với kiến thức giới hạn của mình, nhằm đóng góp một phần vào công cuộc cải cách tư pháp nói chung, hoàn thiện pháp luật về HĐDVPL giữa tổ chức hành nghề luật sư và doanh nghiệp nói riêng.

Với những kiến thức và kinh nghiệm của mình, chắc chắn luận văn vẫn còn nhiều khuyết điểm và thiếu sót. Do vậy, tác giả rất mong nhận được sự chia sẻ, đóng góp từ các nhà khoa học, người hướng dẫn khoa học, luật sư đồng nghiệp, bạn bè gần xa và những người quan tâm đến đề tài này để luận văn được hoàn thiện hơn./

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ tư pháp (2012), *Báo cáo số 46/BC-BTP ngày 06/3/2012, Báo cáo tổng kết 5 năm thi hành Luật luật sư*, Hà Nội;
2. Bộ tư pháp (2016), *Báo cáo số 189/BC-BTP ngày 22/7/2016, kết quả công tác tư pháp 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp chủ yếu công tác 6 tháng cuối năm 2016*, Hà Nội;
3. Bộ tư pháp (2016), *Báo cáo số 12/BC-BTP ngày 20/01/2016 tổng kết công tác tư pháp năm 2015, nhiệm kỳ 2011-2015; định hướng nhiệm kỳ 2016-2020 và nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu công tác năm 2016*, Hà Nội;
4. Bộ tư pháp (2012), *Tổng thuật pháp luật một số nước về luật sư*, Hà Nội;
5. Bộ tư pháp (2011), *Thông tư số 17/2011/TT-BTP ngày 14/10/2011 hướng dẫn một số quy định của Luật luật sư, Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật luật sư, Nghị định hướng dẫn thi hành các quy định của Luật luật sư về tổ chức xã hội - nghề nghiệp của Luật sư*, Hà Nội;
6. Bộ tư pháp (2014), *Thông tư số 10/2014/TT-BTP ngày 07/4/2014 quy định nghĩa vụ tham gia bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ của luật sư*, Hà Nội;
7. Bộ tư pháp (2015), *Quyết định số 1573/2015/QĐ-BTP ngày 28/8/2015 về việc phê duyệt Điều lệ Liên đoàn luật sư Việt Nam*, Hà Nội;
8. Chính phủ (2008), *Nghị định số 66/2006/NQ-CP ngày 28/5/2008 về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp*, Hà Nội;
9. Chính phủ (2008), *Nghị định số 77/2008/NĐ-CP ngày 16/7/2008 về tư vấn pháp luật*, Hà Nội;
10. Chính phủ (2010), *Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 quy định về hóa đơn hàng hóa và cung ứng dịch vụ và các quy định khác của pháp luật về tài chính, kế toán*, Hà Nội;
11. Chính phủ (2013), *Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật luật sư*, Hà Nội;

12. Chính phủ (2016), *Nghị định số 19-2016/NQ-CP ngày 28/4/2016 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2016 - 2017, định hướng đến năm 2020*, Hà Nội;
13. Chính phủ (2016), *Nghị định số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp*, Hà Nội;
14. Chủ tịch (1945), *Sắc lệnh số 46 ngày 10/10/1945 của Chủ tịch Chính phủ lâm thời Việt Nam dân chủ cộng hòa*;
15. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, Hà Nội;
16. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội;
17. Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh (2011), *Báo cáo tổng kết 5 năm thi hành Luật luật sư số 9/BC-ĐLS ngày 15/8/2011*, thành phố Hồ Chí Minh;
18. Nguyễn Am Hiểu (2008), *Phó Vụ trưởng Vụ Pháp luật Dân sự - Kinh tế, Bộ Tư pháp, Nghiên cứu cơ chế hỗ trợ pháp lý đối với doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường và việc mở rộng thị trường dịch vụ pháp lý trong điều kiện hội nhập quốc tế*, Hà Nội;
19. Phan Trung Hoài (2002), *Bàn về khái niệm và đặc điểm nghề luật sư*, Tạp chí Khoa học pháp luật (số 07), tr.16;
20. Hội đồng nhà nước (1987), *Pháp lệnh tổ chức luật sư*, Hà Nội;
21. Hội đồng nhà nước (1989), *Pháp lệnh hợp đồng kinh tế*, Hà Nội;
22. Liên đoàn luật sư Việt Nam (2014), *Quyết định số 266/LĐLSVN ngày 06/11/2014 về việc triển khai Quy định số 93/QĐ-BTV về thực hiện nghĩa vụ trợ giúp pháp lý của luật sư*, Hà Nội;
23. Liên đoàn luật sư Việt Nam (2015), *Quyết định số 11/QĐ-LĐLSVN ngày 12/02/2015 về việc ban hành Quy định xử lý kỷ luật luật sư vi phạm nghĩa vụ tham gia bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của luật sư*, Hà Nội;

24. Liên đoàn luật sư Việt Nam (2016), *Tọa đàm “Tổng kết, trao đổi, kinh nghiệm hành nghề luật sư” tại thành phố Hồ Chí Minh*, 17h:33, ngày 02/03/2016, Hà Nội;
25. Quốc hội (2005), *Bộ luật dân sự*, Hà Nội;
26. Quốc hội (2015), *Bộ luật dân sự*, Hà Nội;
27. Quốc hội (2005), *Luật thương mại*, Hà Nội;
28. Quốc hội (2006), *Luật trợ giúp pháp lý*, Hà Nội;
29. Quốc hội (2006), *Luật luật sư*, Hà Nội;
30. Quốc hội (2008), *Luật cán bộ, công chức*, Hà Nội;
31. Quốc hội (2012), *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật luật sư năm 2012*, Hà Nội;
32. Quốc hội (2014), *Luật doanh nghiệp*, Hà Nội;
33. Quốc hội (2014), *Luật đầu tư*, Hà Nội;
34. Quốc hội (2013), *Hiến pháp*, Hà Nội;
35. Quốc hội (2016), *Dự thảo hồ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (lần thứ 4) ngày 30/5/2016*, Hà Nội;
36. Sở Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh (11/2013), *Báo cáo tham luận: “Tình hình tổ chức, triển khai thi hành Luật luật sư tại thành phố Hồ Chí Minh những thắng lợi, khó khăn, vướng mắc và đề xuất, kiến nghị”*, thành phố Hồ Chí Minh;
37. Sở Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh (2014), *Số 1657/STP-BTP ngày 03/4/2014 về việc thực hiện một số quy định mới của Luật luật sư sửa đổi, bổ sung năm 2012 và các văn bản hướng dẫn thi hành*;
38. Tổ chức thương mại thế giới, *Ban công tác về việc gia nhập WTO của Việt Nam, ngày 27/10/2006. Phần II – Biểu cam kết cụ thể về dịch vụ*;
39. Thủ tướng Chính phủ (2010), *Quyết định số 123/QĐ-TTg ngày 18/01/2010 về phê duyệt Đề án “Phát triển đội ngũ luật sư phục vụ hội nhập kinh tế quốc tế từ năm 2010 đến năm 2020”*;

40. Thủ tướng Chính phủ (2010), *Quyết định số 585/QĐ-TTg ngày 05/5/2010 về phê duyệt chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp giai đoạn năm 2010 - 2014*, Hà Nội;
41. Thủ tướng Chính phủ (2011), *Quyết định số 1072/QĐ-TTg ngày 05/7/2011 về phê duyệt chiến lược phát triển nghề luật sư đến năm 2020*, Hà Nội;
42. Phan Hữu Thư, Chủ biên (2001), *Kỹ năng hành nghề luật sư*, tập I, Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội;
43. Phan Hữu Thư, Chủ biên (2002), *Kỹ năng hành nghề luật sư*, tập III, Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội;
44. Phan Hữu Thư, Chủ biên (2004), *Sổ tay luật sư*, Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội;
45. Ủy ban thường vụ Quốc hội (2001), *Pháp lệnh luật sư*, Hà Nội;
46. UBND thành phố Hồ Chí Minh (2007), *Chỉ thị số 25/2007/CT-UBND ngày 20/9/2007 về việc tổ chức thi hành Luật luật sư năm 2006 trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh*;
47. UBND thành phố Hồ Chí Minh (2011), *Dự thảo báo cáo (9/2011), Tổng kết 5 năm thi hành Luật luật sư trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh*;
48. UBND thành phố Hồ Chí Minh (2012), *Quyết định số 1111/QĐ-UBND ngày 05/3/2012 ban hành chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn năm 2012 - 2015*;
49. UBND thành phố Hồ Chí Minh (2013), *Quyết định số 5662/QĐ-UBND ngày 17/10/2013 về việc ban hành kế hoạch phát triển nghề luật sư đến năm 2020 tại thành phố Hồ Chí Minh*;
50. UBND thành phố Hồ Chí Minh (2015), *Hội nghị tổng kết chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, giai đoạn từ năm 2012 - 2015*;
51. UBND thành phố Hồ Chí Minh (2016), *Báo cáo số 105/BC-UBND ngày 28/6/2016 về tình hình kinh tế - văn hóa - xã hội và quốc phòng an ninh 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu 6 tháng cuối năm 2016*;

52. UBND thành phố Hồ Chí Minh (2016), *Quyết định số 3907/QĐ-UBND ngày 01/8/2016 về ban hành kế hoạch triển khai Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đến năm 2020*;
53. Sở Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh, *Danh sách tổ chức hành nghề luật sư đang hoạt động trên địa bàn thành phố* <http://www.sotuphap.Hochiminhcity.gov.vn/to-chuc-hanh-nghecc/lists/posts/post.aspx?Source=%2fto-chuc-hanh-nghe-cc&Category=Lu%E1%BA%ADt+S%C6%B0&ItemID=175&Mode=1> ngày cập nhật 30/12/2016;
54. Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh, *Thông tin tình hình đăng ký doanh nghiệp tháng 11-2016*, <http://www.dpi.hochiminhcity.gov.vn/TinTuc/tintuc/Lists/Posts/AllPosts.aspx?CategoryId=4&PublishedDate=2016-11-11T23:15:00Z>, ngày cập nhật 30/12/2016.